

Đức Giêsu thành Nazarét

1. LỜI DẪN NHẬP

ĐỨC GIÊSU THÀNH NADARÉT : TỪ PHÉP RỬA TẠI SÔNG GIOĐAN ĐẾN BIẾN HÌNH

Cuốn sách về Đức Giêsu này đã trải qua một thời gian ấp ủ khá lâu. Giờ đây, tôi muốn giới thiệu phần đầu của cuốn sách trước công chúng. Trong những thập niên 30 và 40, thời gian tôi lớn lên, vào thời ấy đã có nhiều sách khá hay về Đức Giêsu. Người ta có thể nhắc đến tên tuổi của một vài tác giả như Karl Adam, Romano Guardini, Franz Michel Willam, Giovanni Papini, và Henri Daniel-Rops. Tất cả những cuốn sách này đặt cơ sở trên bức chân dung về Đức Giêsu của Tin Mừng. Những cuốn sách này đã trình bày Đức Giêsu như một con người đang sống trên trái đất, cho dù hoàn toàn là một con người, cùng lúc ấy, Ngài cũng đem Thiên Chúa tới cho con người. Thiên Chúa mà, như người Con, Ngài là một với Thiên Chúa này. Như thế, qua con người Đức Giêsu, Thiên Chúa trở nên hiển thị, và kể từ đó, con mắt của chúng ta có thể trông thấy con người tuyệt đối.

Nhưng trong thập niên 50, hoàn cảnh đã bắt đầu thay đổi. Điểm gián đoạn giữa “Đức Giêsu lịch sử” và “Đức Kitô niềm tin” càng ngày càng trở nên rộng lớn và cả hai đã bị tách ra khỏi nhau cách rõ ràng. Trong Đức Giêsu như người Con của Thiên Chúa hằng sống, đức tin vào Đức Giêsu như Đức Kitô có ý nghĩa gì, nếu như *con người* Giêsu hoàn toàn khác biệt với bức tranh mà các Tác giả Phúc Âm đã vẽ về Ngài, và với bức tranh này, Hội Thánh dùng như nền tảng để giảng dạy, dựa trên chứng tích của các Tin Mừng?

Trong khi khoa nghiên cứu phê bình lịch sử phát triển, nghiên cứu này cũng dẫn đến những sự phân biệt cách khéo léo giữa các tầng lớp khác nhau trong truyền thống các Tin Mừng. Nhưng bên dưới những phân biệt này, đối tượng đích thật của đức tin, nhân vật [*Gestalt*] Giêsu, càng ngày càng trở nên tối tăm và mờ dần. Cùng lúc ấy, những tái tạo về Đức Giêsu này (Chỉ khám phá ra Đấng này phía sau các truyền thống và các nguồn mà các Tác giả Phúc Âm dùng tới) càng ngày càng trở nên mâu thuẫn nhau: Từ tận cùng của một cực, Đức Giêsu là nhà cách mạng chống lại Roma để lật đổ các quyền lực thống trị, dù cuối cùng đã thất bại, đến một tận cùng khác, Ngài là nhà giáo đạo đức hiền thành cho phép tất cả và đã thất bại một cách vô trách nhiệm. Nếu bạn đọc một số tái tạo, bạn nhận ra ngay rằng, quá xa vời với việc khám phá một icon đã trở nên quá tối tăm qua dòng thời gian, từ tái tạo này đến tái tạo kia lại giống như những hình ảnh của các tác giả và các lý tưởng mà họ đang quan niệm. Từ đó đã dẫn đến sự nghi ngờ về những bức chân dung về Đức Giêsu này. Vì lý do đó, chính nhân vật Giêsu càng lụi ra xa hơn nữa.

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

Tất cả những nỗ lực này đã dẫn đến một kết quả chung: Ấn tượng cho rằng chúng ta biết rất ít về Đức Giêsu, và chỉ qua thời gian sau đó, đức tin vào thần tính của Ngài mới làm thành hình ảnh mà chúng ta có về Ngài. Cho tới bây giờ, nói chung, ấn tượng này đã đi sâu vào trong tâm trí của người Kitô. Đây là hoàn cảnh bi thảm về đức tin, bởi vì, người ta nghi ngờ về điểm quy chiếu của đức tin: Bạn bè thân thiện với Đức Giêsu, Đấng mà tất cả lệ thuộc vào, có nguy cơ nắm lấy không khí loãng.

Rudolf Schnackenburg có thể là nhà chú giải Công giáo nổi tiếng nhất của nước Đức trong hậu bán thế kỷ hai mươi. Rõ ràng, vào cuối đời của ông, khủng hoảng này bao vây lấy đức tin đã gây ra ấn tượng sâu trên ông. Vì những bất cân xứng trong mọi chân dung về Đức Giêsu "lịch sử" được các nhà chú giải đương đại đưa ra, ông phấn đấu để viết một công trình quan trọng cuối cùng: *Đức Giêsu trong các Tin Mừng: Một Kitô Học Kinh Thánh*. Cuốn sách này có mục đích giúp cho các Kitô hữu "ngày nay đang bất an vì nghiên cứu khoa học và bàn luận cách phê bình, để họ có thể nắm chặt lấy đức tin vào con người Đức Giêsu Kitô như Đấng mang lại cứu độ và Đấng Cứu Thế của thế gian" (tr. X). Trong phần cuối của cuốn sách, Schnackenburg tóm tắt kết quả của cả cuộc đời nghiên cứu. "Một quan điểm đáng tin cậy về nhân vật lịch sử Đức Giêsu thành Nadarét mà qua cố gắng của khoa học và cùng với các phương pháp phê bình lịch sử chỉ có thể dẫn đến sự bất thỏa đáng" (tr. 316). "Những nỗ lực trong khoa chú giải để xem xét những truyền thống này và truy nguyên chúng lại trong những gì đáng tin mang tính lịch sử" đã lôi chúng ta "vào trong một cuộc tranh luận liên tục về truyền thống và lịch sử biên soạn mà chẳng bao giờ đi đến kết thúc" (tr. 318).

Trình thuật riêng của ông về nhân vật Giêsu chịu đau khổ do một số căng thẳng không thể giải quyết được vì những ép buộc của các phương pháp mà ông cảm thấy buộc phải dùng đến, bất chấp những bất tương xứng của chúng. Schnackenburg chỉ cho chúng ta hình ảnh Đức Kitô của các Tin Mừng, nhưng ông lại cho đó là sản phẩm gồm nhiều tầng lớp của truyền thống, qua đó, Đức Giêsu "thực sự" chỉ được nhìn thoáng từ xa. Ông viết: "Nền tảng lịch sử giả định, nhưng không thay thế được quan niệm đức tin của các Tác giả Phúc Âm" (tr. 321). Giờ đây, không còn ai nghi ngờ về điều này. Những gì chưa rõ ràng là "nền tảng lịch sử" này thật sự kéo dài bao xa. Vì thế, Schnackenburg nêu bật vấn đề về điểm quyết định, mà ông xem đó như sự sáng suốt mang tính lịch sử chân chính: Sự liên quan giữa Đức Giêsu với Thiên Chúa và sự gần gũi của Ngài với Thiên Chúa (tr. 322). "Nếu không neo chặt vào Thiên Chúa, con người Đức Giêsu vẫn mờ ảo, không thật và không thể nào giải thích được" (tr. 322).

Đó cũng là điểm mà tôi sẽ xây dựng cuốn sách của tôi chung quanh. Cuốn sách này nhận ra Đức Giêsu trong ánh sáng hiệp thông của Ngài với Chúa Cha, là tâm điểm đích thật trong nhân cách của Ngài. Nếu không có tâm điểm này, chúng ta hoàn toàn không hiểu được Ngài, và chính từ tâm điểm này, Ngài làm cho chính Ngài hiện diện với chúng ta đến ngày nay.

Chắc chắn, trong những diễn biến đặc biệt trong bài trình bày của riêng tôi về

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

Đức Giêsu, tôi dứt khoát cố gắng vượt qua khỏi Schnackenburg. Vấn đề đối với tường thuật của Schnackenburg về tương quan giữa các truyền thống Tân Ước và các biến cố lịch sử nổi bật lên khá rõ ràng đối với tôi, khi ông viết rằng các Tin Mừng “muốn mặc lấy xác thể cho người Con bí nhiệm của Thiên Chúa, Đấng đã xuất hiện trên trần gian!” (tr. 322). Tôi muốn trả lời rằng các Tin Mừng không cần thiết phải “mặc xác thể cho Ngài”, vì Ngài đã thật sự mang lấy xác thể. Dĩ nhiên, vấn đề vẫn còn đó: Có cách nào đi vào xác thể này qua mớ hỗn độn dày đặc của các truyền thống hay không?

Trong phần dẫn nhập của cuốn sách, Schnackenburg kể lại cho chúng ta rằng ông cảm thấy mình mang ơn phương pháp phê bình lịch sử, đã được dùng trong nền thần học Công Giáo từ khi thông điệp *Divino Afflante Spiritu* mở cánh cửa năm 1943 (tr. IX). Thông điệp này là một dấu ấn quan trọng trong nền chú giải Công giáo. Mặc dù, từ Thông điệp này đã bắt đầu cuộc tranh luận về phương pháp cả bên trong lẫn bên ngoài Hội thánh Công giáo. Có nhiều khám phá mới và có ý nghĩa về mặt phương pháp, trong cả hai, nghiên cứu thuần túy lịch sử và sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa thần học và phương pháp lịch sử trong việc chú giải Kinh Thánh. *Dei Verbum*, Hiến Chế Tín Lý về Mạc Khải của Công Đồng Vatican II, đã bước đi một bước quyết định tiến về phía trước. Thêm vào đó, hai văn kiện quan trọng của Ủy Ban Kinh Thánh Giáo Hoàng đã truyền đạt những điểm sâu sắc quan trọng. Những điểm sâu sắc này đã trưởng thành từ bên trong những cuộc tranh luận giữa các nhà chú giải: *Cách chú giải Phúc Âm trong Giáo Hội* (Vatican City, 1993) và *Dân Do Thái và các Sách Thánh của Họ trong Phúc Âm Kitô* (Vatican City, 2001).

Tối thiểu, từ những văn kiện này, tôi muốn phác họa lại những nét chính bao quát về phương pháp luận để hướng dẫn tôi trong khi viết cuốn sách này. Cách đặc biệt vì bản tính nội tại của thần học và đức tin, điểm đầu tiên là phương pháp phê bình lịch sử đã là và vẫn là một chiều kích rất cần thiết trong việc chú giải. Vì tự bản chất của đức tin Kinh thánh là về những biến cố lịch sử thật sự. Đức tin Kinh thánh không kể lại những câu chuyện mang tính biểu tượng hoá các chân lý siêu lịch sử, nhưng đức tin Kinh Thánh có cơ sở trên lịch sử. Lịch sử đã xảy ra tại đây và trên trái đất này. *Factum historicum* (dữ liệu lịch sử) không phải là mặt mã mang tính biểu tượng có thể thay thế cho đức tin Kinh thánh, nhưng *factum historicum* là nền tảng mà trên nền tảng này: *Et incarnatus est*, khi chúng ta nói đến cụm từ này, chúng ta công nhận việc Thiên Chúa đi vào cách đích thật trong lịch sử thật sự.

Nếu chúng ta đặt lịch sử này qua bên cạnh, như thế, đức tin Kitô bị biến mất và đức tin Kitô này được viết lại như một vài tôn giáo khác. Dù vậy, nếu điều kiện trở nên một dữ liệu theo nghĩa này, nếu lịch sử là một chiều kích quan trọng trong đức tin Kitô, như thế, đức tin phải tự đặt chính mình vào trong phương pháp lịch sử. Đúng thế, chính đức tin đòi hỏi điều này. Tôi đã nhắc đến Hiến Chế về Mạc Khải của Công Đồng. Hiến Chế này cũng đưa ra cùng một điểm rõ ràng trong phần 12 và tiếp tục liệt kê ra những yếu tố cụ thể của phương pháp mà phải giữ trong đầu khi chú giải Sách thánh. Tài liệu của Ủy Ban Kinh Thánh Giáo

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

Hoàng về việc chú giải Sách thánh đã triển khai khá đầy đủ cùng một tư tưởng trong chương “Những phương pháp và những cách tiếp cận để chú giải”.

Tôi lập lại, không thể nào thay thế phương pháp phê bình lịch sử vì đó là một dụng cụ đưa ra bố cục đức tin Kitô. Nhưng chúng ta cần thêm vào hai điểm. Phương pháp này là chiều kích nền tảng trong việc chú giải, nhưng phương pháp này không làm cạn kiệt chức năng chú giải của những ai nhận thấy các bản văn Sách thánh như một bộ phận riêng lẻ của Sách thánh được Thiên Chúa linh ứng. Chúng ta sẽ phải trở lại điểm này cách đầy đủ hơn ngay lúc này.

Vì thời gian, điều quan trọng, và đây là điểm thứ hai, là nhận ra những giới hạn của chính phương pháp phê bình - lịch sử. Ngày nay, đối với những ai tự xem như họ được Sách thánh nói chuyện cách trực tiếp, sự giới hạn đầu tiên của phương pháp này là, qua chính bản chất của nó, phương pháp này đã đặt cụm từ Sách thánh vào trong quá khứ. Đây là phương pháp *lịch sử*. Nghĩa là, phương pháp này điều tra bối cảnh đương thời hồi đó của các biến cố, trong đó, những bản văn bắt nguồn. Phương pháp này nỗ lực xác nhận và hiểu về quá khứ, như thể trong chính nó, với độ chính xác có thể lớn nhất. Như thế, để tìm xem có thể tác giả đã nói điều gì và muốn nói trong bối cảnh quan điểm và các biến cố của thời đó. Trong phạm vi này, phương pháp này vẫn trung thực với nó. Phương pháp lịch sử không chỉ nghiên cứu cụm từ Sách thánh như một vật của quá khứ, nhưng còn để các từ này vào trong quá khứ. Nó có thể thoáng thấy các điểm tiếp cận với hiện tại và có thể cố gắng áp dụng từ ngữ Sách thánh vào trong hiện tại. Có một điều mà phương pháp này không thể làm là, làm cho các cụm từ này đi vào trong điều gì đó hiện diện trong *hiện tại*. Điều này vượt qua giới hạn của phương pháp này. Chính sự chính xác trong cách chú giải thực tế của quá khứ, vừa là sức mạnh và vừa là điểm yếu của phương pháp này.

Điểm này nối kết với một điểm khác. Bởi vì đây là phương pháp lịch sử, nó giả định sự đồng dạng của bản văn trong các biến cố lịch sử mở ra. Vì thế, phương pháp này phải xử lý những từ ngữ của Sách thánh mà nó nghiên cứu như ngôn từ con người. Suy tư cách cẩn thận, nó có thể có trực giác về một điều gì đó có “giá trị sâu xa hơn” từ ngữ chứa đựng. Theo một nghĩa nào đó, nó có thể nắm bắt được những âm thanh thuộc về chiều kích cao hơn qua từ ngữ con người, và như thế, mở phương pháp này ra cho sự tự siêu việt. Nhưng đối tượng đặc biệt của nó là lời nói con người như con người.

Cuối cùng, phương pháp này xem xét đến những cuốn sách riêng lẻ của Sách thánh trong bối cảnh của từng thời kỳ lịch sử của chúng, và kể đó, phân tích chúng xa hơn dựa theo các nguồn của chúng. Tuy nhiên, sự hiệp nhất của tất cả những bản văn này như một “Sách thánh” là điều mà phương pháp này không thể nhận ra như một dữ liệu lịch sử trước mặt. Dĩ nhiên, phương pháp này có thể nghiên cứu những luồng phát triển, sự lớn mạnh của các truyền thống và trong nghĩa này, có thể nhìn ra ngoài khỏi các sách riêng biệt để nhận ra làm thế nào chúng đi đến chung với nhau để làm thành “Sách thánh”. Dù sao chăng nữa, phương pháp này luôn luôn phải bắt đầu bằng cách trở lại nguồn

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

gốc của các bản văn riêng lẻ, nghĩa là, đặt chúng vào trong bối cảnh quá khứ của chúng, cho dù phương pháp này tiếp tục bổ sung chuyển động quay trở lại trong thời gian, bằng cách đi theo tiến trình mà sau đó, các bản văn được đem chung lại với nhau.

Chúng ta không được quên giới hạn của mọi nỗ lực để hiểu biết quá khứ: Chúng ta không bao giờ đi ra khỏi phạm vi của giả thuyết, cách đơn giản, vì chúng ta không thể nào đem quá khứ vào trong hiện tại. Chắc chắn, một số giả thuyết hưởng được một cấp độ chắc chắn cao, nhưng nói chung, chúng ta cần duy trì ý thức về sự giới hạn của tính chắc chắn của chúng ta. Đúng thế, lịch sử của chú giải hiện đại đã làm cho sự giới hạn này cực kỳ rõ rệt.

Như thế, cho đến đây, một mặt, chúng ta chưa nói gì về tầm quan trọng của phương pháp phê bình-lịch sử. Mặt khác, chúng ta đã diễn tả những giới hạn của nó. Dù tôi hy vọng rằng còn có một điều gì đó hơn nữa chứ không chỉ sự giới hạn đã hiện ra trước mặt: Sự kiện mà tính chất nội tại của phương pháp này hướng ra khỏi chính nó và chứa đựng trong chính nó một sự cởi mở cho các phương pháp bổ sung. Trong các từ ngữ của quá khứ, chúng ta có thể xem xét vấn đề liên quan đến ý nghĩa của nó cho hiện tại. Một giọng nói lớn hơn giọng con người ngân vang trong những lời mang tính người trong Sách thánh. Một cách nào đó, các bản văn [*Schrifte*] riêng lẻ của Sách Thánh chỉ đến tiến trình sống động đã làm thành Sách thánh [*Schrift*].

Đúng thế, ba mươi năm về trước, nhận thức về điểm cuối cùng này đã được các học giả người Mỹ triển khai thành công trình "chú giải quy điển". Mục đích của cách chú giải này là đọc các bản văn riêng lẻ trong tính toàn thể của Sách thánh, như thế, đưa ra ánh sáng mới cho tất cả mọi bản văn riêng lẻ. Phần 12 trong Hiến Chế Mạc Khải của Công Đồng Vatican II đã nhấn mạnh cách rõ ràng điểm này như nguyên tắc nền tảng của việc chú giải mang tính thần học: Nếu bạn muốn hiểu Sách thánh theo tinh thần mà Sách thánh đã được viết, bạn phải chú trọng đến nội dung và đến sự hiệp nhất của Sách thánh như một tổng thể. Công Đồng tiếp tục nhấn mạnh đến sự cần thiết phải để ý tới truyền thống sống động của toàn thể Hội thánh và của sự tương tự của đức tin (những tương xứng nội tại bên trong đức tin).

Giờ đây, chúng ta hãy dừng lại trong sự hiệp nhất của Sách thánh. Đây là dữ liệu mang tính thần học. Nhưng dữ liệu này không áp đặt từ bên ngoài vào, trên những gì là một tập thể các bản văn hỗn độn trong chính nó. Các nhà chú giải hiện đại đã đưa ra ánh sáng về tiến trình luôn đọc lại đã giả mạo các từ ngữ được chuyển tải vào trong Sách thánh: Các bản văn cổ được tái hợp lại, tái chú giải lại, và đọc với cặp mắt mới trong những bối cảnh mới. Chúng trở thành Sách thánh bằng cách đọc lại, tiến hoá trong sự tiếp tục với ý nghĩa nguyên thủy của chúng, ngầm sửa lại và thêm vào chiều sâu và chiều rộng của ý nghĩa. Đây là tiến trình mà từ ngữ dần dần mở ra những tiềm lực nội tại của chúng, cách nào đó, đã hiện diện như những hạt giống, nhưng đang cần thách đố của

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

các hoàn cảnh mới, kinh nghiệm mới và đau khổ mới, để mở ra.

Chắc chắn, tiến trình bày không đi theo tuyến, và thường đột ngột. Nhưng khi bạn quan sát tiến trình này mở ra trong ánh sáng của Đức Giêsu Kitô, bạn có thể thấy nó chuyển động trong một hướng tổng thể. Bạn có thể thấy Tân Ước và Cựu Ước thuộc về với nhau. Giải thích học mang tính Kitô học này nhìn thấy Đức Giêsu như chìa khoá cho tổng thể và học từ Ngài cách thức để hiểu Sách thánh như một hiệp nhất. Giải thích học mang tính Kitô học này giả định về tiền hành động của đức tin. Giải thích học này không phải là kết luận của một phương pháp thuần túy lịch sử. Nhưng giải thích học này là một hành động đức tin đặt nền tảng trên lý trí, lý trí lịch sử, và như thế, giúp nhận ra sự hiệp nhất nội tại của Sách thánh. Cũng thế, giải thích học này giúp cho chúng ta hiểu lại những yếu tố cá nhân đã làm thành chúng mà không lấy đi tính nguyên thủy về lịch sử của chúng.

“Cách chú giải quy điển”, đọc các bản văn riêng lẻ của Sách thánh trong bối cảnh tổng thể, là chiều kích quan trọng của việc chú giải. Cách này không mâu thuẫn với cách chú giải phê bình-lịch sử, nhưng đem nó tới trước trong phương cách cơ bản hướng về việc trở nên thần học theo nghĩa riêng biệt. Tôi muốn nhấn mạnh đến hai mảng khác của việc chú giải mang tính thần học. Chú giải phê bình-lịch sử về một bản văn tìm cách khám phá ra ý nghĩa chính xác mà từ ngữ muốn truyền đạt vào thời và nơi nguyên thủy của nó. Điều này tốt và quan trọng. Nhưng, bên cạnh dữ kiện cho thấy rằng những tái tạo như thế chỉ có thể công bố sự chắc chắn cách tương đối thôi, cũng cần nhớ rằng bất cứ các nói mang tính người nào luôn có một tầm quan trọng nào đó vì bao gồm nhiều hơn cả những gì tác giả đã có ý thức ngay lúc ấy. Khi một cụm từ siêu việt thời điểm mà nó được nói ra, nó mang trong mình nó một “giá trị sâu xa hơn”. Trước hết, “giá trị sâu xa hơn” này gắn liền với đa số tất cả các từ ngữ đã trưởng thành trong luồng lịch sử-đức tin. Vì thế, trong trường hợp này, tác giả không đơn thuần phát biểu cho chính mình trên quyền bính riêng của mình. Tác giả đang lên tiếng từ quan điểm của một lịch sử chung đã dưỡng nuôi tác giả và đã bao gồm cách tiềm ẩn những khả năng về tương lai của nó, về những giai đoạn xa hơn nơi hành trình của nó. Không thể nào tiến trình luôn luôn đọc lại và rút ra những ý nghĩa mới từ những từ ngữ có thể xảy ra, trừ khi chính những lời này đã mở ra từ bên trong.

Tại điểm này, chúng ta nhận ra một tia sáng, cả trên cấp độ lịch sử, về linh ứng có nghĩa là gì: Tác giả không lên tiếng như một chủ thể riêng tư và tự tại. Ông lên tiếng trong một cộng đoàn sống động, có ý nói là, trong một chuyển động lịch sử sống động không do ông sáng tạo ra, cũng không do tập thể tạo ra, nhưng được một sức mạnh lớn hơn đang hoạt động, dẫn tới phía trước. Đây là những chiều kích của từ ngữ mà nền giáo lý cũ về tứ nghĩa của Sách thánh đã vạch ra tính chính xác cách tuyệt vời. Tứ nghĩa của Sách thánh không phải là những ý nghĩa riêng lẻ được sắp xếp bên cạnh nhau, nhưng là những chiều kích của một từ ngữ vượt ra khỏi thời điểm.

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

Điểm này đã đề nghị về khía cạnh thứ hai mà tôi đã muốn đề cập đến. Trong Sách thánh, từng cuốn sách hay toàn bộ Sách thánh cũng không đơn thuần là một áng văn chương. Sách thánh đến từ bên trong trái tim của một chủ thể sống động, Dân hành hương của Thiên Chúa, và sống bên trong cùng với chủ thể này. Người ta có thể nói rằng những cuốn Sách thánh liên quan đến ba chủ thể ảnh hưởng lẫn nhau. Trước hết, đó là từng tác giả riêng lẻ hay tập thể nhiều tác giả, những người mà chúng ta nhớ ơn một bản văn Sách thánh cách đặc biệt. Nhưng những tác giả này không phải là những nhà văn tự trị theo nghĩa hiện tại. Họ làm thành một phần của chủ thể mang tính tập thể, "Dân Chúa", họ lên tiếng từ trong trái tim "Dân Chúa" và cho "Dân Chúa". Như thế, chủ thể này thật sự là "tác giả" sâu xa hơn của các Sách thánh. Và cũng như thế, dân này cũng không hiện hữu một mình, nhưng dân này biết rằng chính Thiên Chúa đã dẫn dắt và đã nói với họ. Đấng này là Đấng đang nói qua con người và nhân tính của họ ở một cấp độ sâu xa nhất.

Nối kết với chủ thể mà chúng ta gọi là "Dân Chúa" rất quan trọng cho Sách thánh. Một mặt, cuốn sách này, Sách thánh, là lượng định đến từ Thiên Chúa, sức mạnh hướng dẫn nhân loại. Mặt khác, cho dù Sách thánh sống cách chính xác trong dân này, cả như chính dân này siêu việt trong Sách thánh. Qua việc tự siêu việt của họ (tại cấp độ sâu xa nhất, hoa quả của Lời nhập thể), họ trở nên dân của *Thiên Chúa*. Dân Chúa, Hội thánh, là chủ thể sống động của Sách thánh. Trong Hội thánh, những lời Sách thánh luôn luôn hiện diện. Dĩ nhiên, điều này cũng có nghĩa là dân này phải nhận chính bản thể của họ từ Thiên Chúa, cuối cùng, từ Đức Kitô nhập thể. Dân này phải để Ngài định đoạt, hướng dẫn và chỉ đường cho chính họ.

Tôi cảm thấy tôi mang ơn độc giả về những nhận xét trong phương pháp luận này, vì những nhận xét này chỉ đạo chú giải của tôi về nhân vật Giêsu trong Tân Ước (x. Những nhận xét giới thiệu bao gồm trong Thư Mục). Đối với bức chân dung về Đức Giêsu của tôi, áp dụng chính của điểm này là tôi tin vào các Sách thánh. Dĩ nhiên, tôi thừa nhận những gì Công đồng và chú giải hiện đại nói cho chúng ta về các thể loại văn chương, về mục đích của tác giả, và về dữ kiện mà các Sách thánh đã được viết trong bối cảnh và lên tiếng trong hoàn cảnh sống động của các cộng đoàn. Trong khả năng tốt nhất của tôi, tôi muốn liên kết lại tất cả những điểm này. Tuy thế, tôi vẫn muốn cố gắng vẽ lại bức chân dung Đức Giêsu của Sách thánh như là Đức Giêsu "lịch sử" đích thực, theo đúng nghĩa của từ này. Tôi xác tín và hy vọng rằng độc giả cũng sẽ nhận ra nhân vật này còn hơn sự lôgic, nói theo tính cách lịch sử, trí tuệ hơn cả những tái tạo mà chúng ta đã trình bày trong những thập niên vừa qua. Tôi tin rằng Đức Giêsu này, Đức Giêsu của Sách thánh, là nhân vật thuyết phục và mang tính lịch sử đích thực.

Không có cách nào để giải thích tại sao Ngài đã phải chịu chết và đã ảnh hưởng mạnh đến như thế, trừ khi phải có chuyện gì đó phi thường đã xảy ra, trừ khi nhân vật và những lời nói của Đức Giêsu vượt qua khỏi niềm hy vọng và lòng trông đợi của thời đó cách triệt để. Sớm nhất là khoảng 20 năm sau khi Đức

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

Giêsu chết, Thánh Thi-Kitô cao trọng trong thư gửi cho cộng đoàn Philipphê (2:6-8) đưa ra cho chúng ta một nền Kitô học đã triển khai cách trọn vẹn. Nền Kitô học này nhấn mạnh rằng Đức Giêsu ngang hàng với Thiên Chúa, nhưng Ngài tự trút bỏ chính mình, và đã trở nên con người khiêm nhường cho đến chết trên Thập giá. Nền Kitô học này nhấn mạnh rằng, giờ đây, việc thờ phượng của toàn thể tạo vật thuộc về Ngài. Qua Ngôn sứ Isai, Thiên Chúa đã nói rằng sự tôn vinh này chỉ dành riêng cho mình Người (x. Is 45:23).

Nghiên cứu khoa học đặt câu hỏi cách chính xác: Sau khi Đức Giêsu bị đóng đinh, chuyện gì đã xảy ra trong thời gian hai mươi năm sau? Đây là xuất xứ của nền Kitô học này? Nếu nói rằng, đây là kết quả thuộc về những hình thức tập thể bí mật, mà chúng ta tìm kiếm tác giả của chúng, giả định này không thật sự giải thích được chuyện gì cả. Làm sao những tập thể vô danh này lại có thể quá sáng tạo như vậy? Làm sao họ quá xác quyết như thế và họ xoay sở như thế nào để chiếm ưu thế? Dù nói theo cách lịch sử, có logic hơn không để cho rằng sự cao trọng đã đến ngay từ đầu, và nhân vật Giêsu thật sự đã làm nổ tung tất cả mọi phạm trù, và chỉ có thể được hiểu trong ánh sáng của mầu nhiệm Thiên Chúa? Thú thật rằng như con người tin rằng Ngài thật sự *đã là* Thiên Chúa, và Ngài đã truyền đạt thiên tính của Ngài mở ra trong các dụ ngôn, lúc này càng tăng lên sự rõ ràng, vượt qua khỏi phạm vi của phương pháp lịch sử. Thế nhưng, nếu thay vào đó, chúng ta dùng xác tín đức tin này như điểm khởi đầu để ta đọc các bản văn với sự giúp đỡ của phương pháp luận lịch sử và sự mở ra nội tại của nó về điều gì đó lớn hơn, các bản văn này mở ra và mạc khải một con đường và một nhân vật xứng đáng để tin. Còn có một điểm khác cũng hội tụ lại cách rõ ràng: Cho dù các bản văn Tân Ước trình bày sự xung đột gồm nhiều tầng lớp để bám chặt vào nhân vật Giêsu, các bản văn này biểu lộ một hài hoà sâu xa bất chấp mọi khác biệt của chúng.

Hiển nhiên, cách thức mà tôi nhìn về nhân vật Giêsu vượt ra khỏi những gì thuộc về chú giải đương đại, như Schnackenburg đại diện. Tôi hy vọng điều này trở nên rõ ràng cho độc giả, dù mục đích của tôi khi viết cuốn sách này không phải để chống đối lại những chú giải hiện đại. Nhưng tôi viết cuốn sách này với lòng biết ơn sâu xa đến tất cả những gì đã được ban cho và còn tiếp tục ban cho chúng ta. Nó đã mở ra cho chúng ta sự giàu có về tài liệu và sự phong phú trong những việc tìm kiếm để làm cho nhân vật Giêsu trở nên hiện diện với chúng ta cùng với sự sống động và chiều sâu mà chúng ta không thể nào tưởng tượng nổi trong một vài thập niên vừa qua. Đơn thuần, tôi cố gắng đi xa hơn chú giải phê bình-lịch sử để áp dụng những chiều sâu thuộc về phương pháp luận mới, cho phép chúng ta đưa ra một chú giải về Sách thánh thích hợp mang tính thần học. Chắc chắn, điều này cần phải có đức tin, nhưng mục đích khá rõ rệt, hay buộc phải rõ rệt, là không được đầu hàng việc cam kết với lịch sử cách nghiêm túc.

Cuốn sách tiếp tục nhưng không nói lên rằng đây là một hành động của giáo quyền, nhưng cuốn sách này chỉ là một diễn đạt tìm kiếm của cá nhân tôi về "khuôn mặt của Chúa" (x. Tv 27:8). Như thế, mọi người tự do mâu thuẫn với

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

tôi. Tôi chỉ xin độc giả sự thiện chí lúc ban đầu, vì nếu không có thiện chí này, không thể nào hiểu được.

Như tôi đã đề cập ngay trong phần dẫn nhập, cuốn sách này đã trải qua thời gian thai nghén dài. Tôi đã bắt đầu làm việc với cuốn sách này trong những ngày nghỉ hè năm 2003. Kể đến, trong tháng 8 năm 2004, tôi đã hoàn tất từ chương 1 đến chương 4. Sau khi tôi được chọn làm Giám Mục thành Roma, tôi đã dùng tất cả những thời gian rảnh rỗi để tiếp tục viết cuốn sách này. Bởi vì tôi không biết tôi có còn được ban cho nhiều thời gian hay sức lực nữa, tôi đã quyết định xuất bản mười chương đầu, bao gồm thời gian từ Phép Rửa tại sông Giođan, cho đến lời tuyên tín đức tin của Phêrô và Biển hình, như Phần Một của cuốn sách này.

Trong Phần Hai, tôi hy vọng rằng tôi có thể bao gồm chương về các trình thuật thời thơ ấu, mà giờ đây tôi đã hoãn lại, vì các chương trình này gây ấn tượng cho tôi như tiêu chuẩn quan trọng nhất để trình bày nhân vật và sứ điệp của Đức Giêsu trong công việc mục vụ công khai của Ngài, và vì thế, giúp nuôi dưỡng sự lớn lên trong một tương quan sống động với Ngài.

Roma, ngày 30 tháng 9 năm 2006

Lễ thánh Giêrômê

JOSEPH RATZINGER, BÊNÊĐICTÔ XVI

2. LỜI GIỚI THIỆU

SUY TƯ BAN ĐẦU VỀ MẦU NHIỆM GIÊSU

Các tôn giáo không chỉ nhằm đến việc trả lời vấn nạn về nguồn gốc của chúng ta. Bằng cách này hay cách khác, tất cả các tôn giáo cố gắng vén bức màn tương lai lên. Hình như chúng quan trọng vì chúng truyền đạt kiến thức về những gì sẽ xảy ra và vì thế, chỉ cho con người con đường mà họ phải chọn để tránh nỗi đau buồn sẽ xảy đến. Thực tế, điều này giải thích tại sao tất cả mọi tôn giáo đều triển khai nhiều phương cách để nhìn vào tương lai.

Chúng ta đang nghiên cứu bản văn Đệ Nhị luật đề cập đến những phương cách khác nhau mà các dân tộc chung quanh Israel đã dùng để mở "cửa sổ" vào trong tương lai: "Khi vào đất mà Đức Chúa, Thiên Chúa của anh ban cho anh, khi anh đừng học đòi những thói ghê tởm của các dân tộc ấy: Giữa anh em, không được thấy ai làm lễ thiêu con trai hoặc con gái mình, không được thấy ai làm nghề bói toán, chiêm tinh, tướng số, phù thủy, bỏ bùa, ngồi đồng ngồi cốt,

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: Jesus of Nazareth

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

chiêu hồn. Thật vậy, hễ ai làm điều ấy thì là điều ghê tởm đối với Đức Chúa” (Đnl 18:9-12).

Câu chuyện về việc vua Saul sụp đổ cho thấy thật khó để giữ vững và hành động mà không có chúng, khi từ bỏ những điều này. Chính Saul đã cố gắng áp đặt mệnh lệnh này và xua đuổi các phù thủy ra khỏi đất đai. Nhưng khi đối diện với viễn tượng trận chiến nguy hiểm sắp xảy ra với người Philistine, vua không thể nào chịu đựng nổi sự im lặng của Thiên Chúa và ông đã liều mình đi đến Endor, gặp một người phụ nữ gọi hồn người chết và xin bà ta mời thần linh của Samuel để giúp cho vua có một thoáng nhìn về tương lai. Nếu Đức Chúa không lên tiếng, như thế, phải có một người nào đó xé bức màn che đậy tương lai (x. 1Sm 28).

Chương 18 trong sách Đệ Nhị luật đặt tên cho những cách thức muốn điều khiển tương lai như “sự ghê tởm” trong mắt Thiên Chúa. Ngược lại với cách bói toán này, con đường của Israel hoàn toàn khác, con đường đức tin. Con đường đức tin hoạt động trong hình thức một lời hứa. “Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em sẽ cho xuất hiện một ngôn sứ như tôi để giúp anh em; anh em hãy nghe vị ấy” (Đnl 18:15). Thoạt nhìn, hình như điều này không gì khác hơn là lời tuyên bố rằng Thiên Chúa sẽ triển khai một cơ quan ngôn sứ trong Israel và phân công cho người coi cơ quan này nhiệm vụ giải thích hiện tại và tương lai. Lời phê bình gay gắt về các ngôn sứ giả hiện diện rất nhiều trong các bản văn ngôn sứ nhấn mạnh đến sự nguy hiểm, mà trong thực tế, các ngôn sứ sẽ nhận lãnh vai trò của những người bói toán, hành động giống như họ và được người khác hỏi ý kiến như họ. Khi điều này xảy ra, Israel phạm lại chính điều mà các ngôn sứ được uỷ nhiệm để ngăn ngừa.

Kết luận của Đệ Nhị luật quay trở lại lời hứa và đem lại cho lời hứa một chuyển hướng khác ngạc nhiên đã xảy ra ngoài việc thiết lập vai trò ngôn sứ. Khi thực hiện điều này, kết luận của Đệ Nhị luật cho nhân vật ngôn sứ một ý nghĩa thật. Chúng ta đọc thấy “trong Israel, không còn xuất hiện một ngôn sứ nào như ông Môsê, người mà Đức Chúa biết rõ, mặt giáp mặt” (Đnl 34:10). Sự buồn phiền kỳ lạ che phủ lấy kết luận này trong Cuốn sách thứ năm của Môsê. Lời hứa liên quan đến “một ngôn sứ như tôi” chưa được nên trọn vẹn. Và giờ đây, hiển nhiên những lời này không chỉ nhằm đến việc thiết lập ngôn sứ, đúng ra đã tồn tại rồi, nhưng những lời này còn nhằm đến điều gì khác hơn và lớn hơn: Lời tuyên bố về một Môsê mới. Điều này trở nên hiển nhiên vì sở hữu đất đai ở Palestine không làm cho dân tuyển chọn đi vào trong cứu rỗi. Dân Israel vẫn chờ đợi sự giải thoát thật. Cả đến cuộc xuất hành cách triệt để hơn vẫn cần có một đấng được gọi là một Môsê mới.

Và giờ đây, chúng ta biết rằng những gì dành riêng cho Môsê thứ nhất, phẩm chất duy nhất và quan trọng của nhân vật này: Ông đã trò chuyện với Thiên Chúa “diện đối diện” như một người nói chuyện với bạn của mình, như thế, ông đã nói chuyện với Thiên Chúa (x. Xh 33:11). Điều quan trọng nhất về nhân vật Môsê không phải là tất cả những công việc lạ lùng ông đã làm như được tưởng

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: Jesus of Nazareth

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

thuật lại, cũng không phải là những việc làm và những đau khổ trên hành trình từ “căn nhà nô lệ trong Ai cập” qua sa mạc, đến ngưỡng cửa của miền Đất hứa. Điều quan trọng nhất là ông đã nói chuyện với Thiên Chúa như một người bạn. Chỉ có điều này mới có thể là bàn đạp cho công việc của ông. Chỉ có điều này mới là nguồn của Lễ luật đã chỉ cho dân Israel thấy con đường của họ qua lịch sử.

Bây giờ, điều này trở nên khá rõ ràng vì vị ngôn sứ không phải là phiên bản bói toán thuộc về Israel, như thời đó đã công nhận cách rộng rãi và như nhiều vị ngôn sứ cũng tự nhận họ như vậy. Ngược lại, vị ngôn sứ này hoàn toàn khác biệt. Công việc của ông không phải là báo cáo về các biến cố về ngày mai hay ngày hôm sau để thỏa mãn tính hiếu kỳ hay nhu cầu an toàn của con người. Ông chỉ cho chúng ta khuôn mặt của Thiên Chúa và khi thực hiện điều này, ông cũng chỉ cho chúng ta con đường mà chúng ta phải đi. Tương lai mà ông nói đến vượt quá những gì mà con người tìm kiếm nơi những thầy bói toán. Ông vạch ra con đường dẫn đến cuộc “xuất hành” đích thật, bao gồm trong cả điều này: Giữa tất cả những con đường lịch sử, con đường tới Thiên Chúa là phương hướng đích thật mà chúng ta phải tìm kiếm và đạt tới. Theo nghĩa này, lời tiên tri là hệ luận tất yếu cho thuyết độc thần của Israel. Đây là cách giải nghĩa của đức tin vào trong đời sống hằng ngày của một cộng đoàn trước mặt Thiên Chúa và trên con đường tới Người.

“Và trong Israel, chưa bao giờ xuất hiện một ngôn sứ nào như Môsê”. Nhận định này cho lời hứa một hương vị cánh chung. “Thiên Chúa, Chúa của người, sẽ nâng lên cho người một ngôn sứ như tôi”. Israel có quyền hy vọng một Môsê mới, Môsê này chưa xuất hiện, nhưng sẽ được nâng lên vào thời điểm thích hợp. Và đặc điểm của vị “ngôn sứ” này sẽ là Ngài trò chuyện với Thiên Chúa diện đối diện, như một người bạn nói chuyện với một người bạn. Dấu phân biệt của vị này sẽ là tương quan trực tiếp giữa Ngài với Thiên Chúa, giúp cho Ngài liên hệ với ý muốn và lời của Thiên Chúa cách trực tiếp và không pha trộn. Dân Israel và đúng thế, toàn thể nhân loại đang mong chờ việc can thiệp cứu độ này.

Dẫu vậy, lúc này chúng ta cần nhắc lại một câu chuyện đặc biệt khác trong sách Xuất hành liên quan đến tương quan giữa Môsê với Thiên Chúa. Sách Xuất hành kể cho chúng ta việc Môsê cầu xin Thiên Chúa. “Xin Ngài thương cho con được thấy vinh quang của Ngài” (Xh 33:18). Thiên Chúa chối từ lời khẩn xin của ông. “Người không thể xem thấy tôn nhan Ta” (Xh 33:20). Môsê đứng gần Thiên Chúa tại chỗ khe nứt của tảng đá và vinh quang Thiên Chúa đi ngang qua chỗ này. Khi Thiên Chúa đi ngang qua, Người lấy bàn tay của Người che mặt Môsê lại. Nhưng cuối cùng, Người rút tay lại. “Người sẽ xem thấy lưng Ta, còn tôn nhan Ta thì không được thấy” (Xh 33:23).

Bản văn bí nhiệm này đóng vai trò quan trọng trong lịch sử bí nhiệm học của Do thái và Kitô. Bản văn này phục vụ như nền tảng cho những nỗ lực để phân định sự liên hệ với Thiên Chúa có thể đi xa tới đâu trong cuộc đời này và đâu là những giới hạn mà quan điểm bí nhiệm dựa vào. Trong chiều kích của vấn đề

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: Jesus of Nazareth

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

hiện nay, điểm chính cho thấy là, cho dù tương quan trực tiếp của Môsê với Thiên Chúa đã làm cho ông trở nên đại trung gian của Mạc Khải, đáng trung gian của Giao Ước, nhưng đại trung gian này vẫn có giới hạn. Ông không nhìn thấy mặt Thiên Chúa, cho dù ông được phép đi vào trong đám mây hiện diện của Thiên Chúa và được phép nói chuyện với Thiên Chúa như một người bạn. Vì thế, lời hứa về "một ngôn sứ như tôi" hiển nhiên bao gồm một ước vọng lớn lao hơn: Vị ngôn sứ cuối cùng, Môsê mời, sẽ được ban cho những gì đã chối từ với Môsê thứ nhất, cái nhìn trực tiếp và đích thật khuôn mặt Thiên Chúa. Và vì thế, khả năng nói chuyện hoàn toàn từ việc nhìn thấy, chứ không chỉ nói chuyện đằng sau lưng Thiên Chúa. Cách tự nhiên, điều này dẫn đến lòng mong đợi hơn mà Môsê mới sẽ là đáng trung gian cho một giao ước cao cả hơn giao ước mà Môsê đã mang xuống từ trên núi Xinaï (x. Dt 9:11-24).

Đây là bối cảnh mà chúng ta cần có để đọc câu kết trong phần lời dẫn nhập của Tin Mừng Gioan. "Thiên Chúa, chưa bao giờ có ai thấy cả; nhưng Con Một vốn là Thiên Chúa và là Đấng hằng ở nơi cung lòng Chúa Cha, chính Người đã tỏ cho chúng ta biết" (Ga 1:18). Chỉ trong Đức Giêsu, lời hứa về vị ngôn sứ mới được nên trọn vẹn. Những gì xác thực về Môsê trong hình thức rời rạc, nay trở thành hiện thực nơi con người Đức Giêsu: Ngài sống trước mặt Thiên Chúa, không chỉ như một người bạn, nhưng như người Con. Ngài sống trong sự hiệp nhất thân tình nhất với Chúa Cha.

Chúng ta phải bắt đầu từ đây, nếu thật sự chúng ta muốn hiểu nhân vật Giêsu như Tân Ước trình bày cho chúng ta. Những gì mà chúng ta được nghe thuật lại về những lời nói, hành động, đau khổ và vinh quang của Ngài neo chặt lại chỗ này. Đây là tâm điểm. Nếu chúng ta bỏ sót tâm điểm này, chúng ta sẽ thất bại trong việc nhận ra nhân vật Giêsu thật sự là ai, vì thế, nó trở nên tự mâu thuẫn, và cuối cùng trở thành khó hiểu. Câu hỏi mà mỗi một độc giả Tân Ước phải đặt ra là giảng dạy của Đức Giêsu xuất phát từ đâu? Làm thế nào giải thích sự xuất hiện của Ngài trong lịch sử? Câu hỏi này chỉ được trả lời từ quan điểm này. Phản ứng từ những thính giả nghe Ngài khá rõ ràng: Giảng dạy này không đến từ một trường lớp nào cả. Giảng dạy này hoàn toàn khác biệt với những gì có thể học được trong trường học. Giảng dạy này không phải dạy cho loại giải thích hay chú giải. Giảng dạy này khác biệt. Giảng dạy này chú giải "với quyền bính". Trong phần sau, chúng ta cần nhắc đến những cụm từ của Đức Giêsu, và kế tiếp, chúng ta sẽ trở lại nhận định này theo quan điểm của những ai nghe Ngài và đào sâu vào ý nghĩa của giảng dạy này.

Giảng dạy của Đức Giêsu không phải là sản phẩm từ việc học hỏi của con người, về bất cứ hình thức nào. Giảng dạy này bắt nguồn từ việc tiếp cận cách trực tiếp với Chúa Cha, từ trò chuyện "diện đối diện", từ cái nhìn của Đấng dựa sát vào trái tim Cha. Giảng dạy này là lời của người Con. Nếu không có nền tảng nội tại này, giảng dạy của Ngài chỉ đơn thuần là sự giả định. Đây là phán đoán của những người học thức thời Đức Giêsu và họ nhận định chính xác như thế vì họ không thể chấp nhận nền tảng nội tại này: Thấy và biết diện đối diện.

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: Jesus of Nazareth

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

Lập đi lập lại, các Tin Mừng ghi nhận rằng nhiều đêm, Đức Giêsu rút lui “lên núi” để cầu nguyện “một mình” với Cha Ngài. Những đoạn văn ngắn này trở nên nền tảng giúp chúng ta hiểu Đức Giêsu. Những đoạn văn này vén bức màn bí nhiệm lên một chút. Chúng cho chúng ta một thoáng nhìn về hiện hữu làm con của Đức Giêsu, vào trong nguồn mà từ trong nguồn này, hành động, giảng dạy và đau khổ của Ngài xuất phát. “Lời cầu nguyện” này của Đức Giêsu là người Con trò chuyện với Cha. Ý thức và ý chí con người của Đức Giêsu, linh hồn Ngài, được đem vào trong sự trao đổi này, và trong cách thức này, “lời cầu nguyện” mang tính người có thể trở thành việc tham dự vào trong hiệp thông làm con với Chúa Cha.

Lời xác nhận khá nổi tiếng của Adolf von Harnack cho rằng sứ điệp của Đức Giêsu nói về Chúa Cha, không phải về người Con, vì thế, nền Kitô học không có chỗ đứng trong sứ điệp này. Hiển nhiên, lý luận này khá sai lầm vì những gì chúng ta đã đề cập tới. Đức Giêsu chỉ có thể nói về Chúa Cha trong cách thức Ngài đã làm bởi vì Ngài là người Con, vì sự hiệp thông làm con giữa Ngài với Chúa Cha. Chiều kích Kitô học, hay nói cách khác, mẫu nhiệm người Con như Đấng Mạc Khải Chúa Cha, hiện diện trong tất cả những gì Đức Giêsu nói và hành động. Một điểm quan trọng khác xuất hiện ở đây: Chúng ta đã nói rằng, trong sự hiệp thông làm con giữa Đức Giêsu với Chúa Cha, linh hồn Ngài được đem vào trong hành động cầu nguyện. Ai thấy Đức Giêsu, là thấy Chúa Cha (x. Ga 14:9). Vì thế, người môn đệ cùng bước với Đức Giêsu đã được Ngài đem vào trong hiệp thông với Thiên Chúa. Đó là ý nghĩa của cứu rỗi: Bước qua những giới hạn thuộc bản chất người đã hiện diện ngay tại đó như một khả năng và niềm hy vọng trong con người, hình ảnh và sự giống như Thiên Chúa, ngay từ thời điểm sáng tạo.

Cuốn sách Đệ Nhị luật bao gồm một lời hứa hoàn toàn khác với niềm hy vọng về Đấng thiên sai được diễn đạt trong những cuốn sách khác của Cựu Ước, tuy thế, lời hứa này là cực kỳ quan trọng để hiểu về nhân vật Giêsu. Đối tượng của lời hứa này không phải về một vị vua Israel hay một vị vua thế gian, nói cách khác, một Đavít mới, nhưng một Môsê mới. Tuy nhiên, chính Môsê cũng được coi như một vị ngôn sứ. Ở đây, phạm trù “ngôn sứ” được xem như một điều hoàn toàn duy nhất và đặc trưng, trái ngược với thế giới tôn giáo chung quanh, một điều gì đó mà chỉ duy Israel có trong hình thức đặc biệt này. Yếu tố khác biệt và mới mẻ này là hệ quả của tính duy nhất thuộc về đức tin vào Thiên Chúa được ban cho Israel. Trong bất kỳ thời đại nào, vẫn nạn của con người không chỉ tập trung vào nguồn gốc tối hậu của nó, nhưng hầu như còn hơn cả sự mờ tối về nguồn gốc của nó, con người còn bận tâm đến sự ẩn giấu về tương lai đang chờ đợi họ. Con người muốn xé bức màn này ra. Con người muốn biết về những gì sẽ xảy ra, để họ có thể tránh khỏi sự diệt vong và lên đường hướng về cứu rỗi.

CHƯƠNG I : ĐỨC GIÊSU NHẬN PHÉP RỬA

Hoạt động công khai của Đức Giêsu bắt đầu với việc Ngài nhận Phép Rửa từ

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: Jesus of Nazareth

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

Gioan Tẩy giả tại sông Giođan. Trong khi Mátthêu chỉ đưa ra biểu thị mang tính công thức về ngày tháng của biến cố này, "hồi ấy", Luca cực kỳ thận trọng đặt biến cố này vào trong bối cảnh bao quát hơn trong lịch sử trần thế, nhờ đó, cho phép chúng ta ấn định một thời điểm chính xác cho biến cố này. Như thế, Mátthêu cung cấp một loại ngày tháng, trong ngày tháng này, Mátthêu đặt cây gia tộc của Đức Giêsu vào ngay khi bắt đầu Tin Mừng của thánh nhân. Gia phả này sắp xếp để cho thấy trục hệ từ Ápraham đến Đavít và trình bày Đức Giêsu như người thừa kế cho cả lời hứa cho Ápraham và sự đảm bảo Thiên Chúa dành cho Đavít, cho những ai Chúa đã hứa nước trời vĩnh cửu, vượt qua mọi tội lỗi của Israel và tất cả mọi trừng phạt của Thiên Chúa. Khi cây gia tộc trình bày điểm này, lịch sử được chia thành ba giai đoạn và mỗi giai đoạn gồm mười bốn đời. Con số mười bốn có giá trị toán học thuộc về tên của Đavít. Lịch sử mà cây gia tộc ghi lại, được phân chia từ thời Ápraham đến Đavít, thời kỳ từ Đavít đến thời lưu đày Babylon, và một thời kỳ mười bốn đời thêm vào sau. Chính sự kiện còn có mười bốn thế hệ khác nữa đã trôi qua cho thấy rằng, thời gian của vị vua Đavít cuối cùng, thời gian của đổi mới vương quốc Đavít là sự thiết lập Triều đại Thiên Chúa, giờ đây đã đến.

Trong khi người ta mong chờ từ tác giả Phúc Âm Mátthêu gốc Do thái Kitô, cây gia tộc này cũng là gia phả của lịch sử cứu độ Do thái, hầu đưa ra một quan điểm gián tiếp về lịch sử thế gian, như vương quốc Đavít cuối cùng, trở thành Vương quốc Thiên Chúa, đương nhiên, liên quan đến thế giới như một tổng thể. Chính vì thế, thời điểm thật vẫn còn mơ hồ. Dĩ nhiên, điều này cũng liên quan đến sự kiện cho rằng những thế hệ này ít lệ thuộc vào bất cứ sơ đồ lịch sử nào hơn là vào ba giai đoạn của lời hứa và như thế, không có ý định triển khai một niên đại cách chính xác.

Ở đây, chúng ta hãy quan sát điểm bắt đầu vì Luca đã không đặt gia phả của Đức Giêsu ngay tại phần đầu Tin Mừng, nhưng lại nối kết gia phả này với câu chuyện Đức Giêsu nhận Phép Rửa, qua đó, làm thành một kết luận. Luca kể lại cho chúng ta rằng vào thời điểm này, Đức Giêsu khoảng ba mươi tuổi, nghĩa là, Ngài đã tới tuổi có quyền để hoạt động công khai. Ngược lại với Mátthêu, Luca dùng gia phả của mình để đi từ Đức Giêsu trở về lại trong lịch sử quá khứ. Ápraham và Đavít xuất hiện, nhưng không có điểm nhấn đặc biệt nào cả. Cây gia tộc trở về lại Áđam, và vì thế, về lại sáng tạo, vì có một lần Luca đi đến tên Áđam, Luca thêm vào "của Thiên Chúa". Đây là cách thức nhấn mạnh đến tầm mức phổ quát trong sứ vụ rao giảng của Đức Giêsu. Ngài là con của Áđam, con cái loài người. Vì Ngài là con người, tất cả chúng ta thuộc về Ngài và Ngài thuộc về chúng ta. Trong Ngài, nhân loại bắt đầu lại và đạt tới cùng đích của mình.

Chúng ta hãy trở lại với Gioan Tẩy giả. Luca đã cung cấp hai quy chiếu thời gian quan trọng trong trình thuật thời thơ ấu. Tính lại thời điểm bắt đầu cuộc đời của vị Tẩy giả, Luca kể cho chúng ta rằng việc ấy đã xảy ra vào "thời vua Hêrôđê, cai trị miền Giuđê" (Lc 1:5). Vì thế, quy chiếu thời gian trong trường hợp của vị Tẩy giả vẫn nằm trong phạm vi lịch sử Do thái. Ngược lại, câu chuyện thời thơ ấu của Đức Giêsu bắt đầu với câu "thời ấy, hoàng đế Augútô ra chiếu chỉ" (Lc

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: Jesus of Nazareth

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

2:1). Đại diện bởi Đế quốc Roma, lịch sử thế giới bao quát hơn làm thành hậu cảnh.

Luca dùng lại mạch văn này khi Luca giới thiệu câu chuyện vị Tẩy giả, đánh dấu thời điểm Đức Giêsu bắt đầu hoạt động cách công khai. Ngay tại điểm này, Luca kể lại cho chúng ta cách trân trọng và chính xác là vào “năm thứ mười lăm dưới thời hoàng đế Tibêriô, thời Phongxiô Philatô, làm tổng trấn miền Galilê, người em là Philípphê làm tiểu vương miền Iturê và Trakhônít, Lyxania làm tiểu vương miền Abilên, Khana và Caipha làm thượng tế” (Lc 3:1-2). Một lần nữa, việc nhắc lại hoàng đế Roma được dùng để chỉ đến vị trí niên đại của Đức Giêsu trong lịch sử thế giới. Chúng ta không có ý muốn nói về hoạt động của Đức Giêsu như đang xảy ra trong thể loại “bất cứ lúc nào” mang tính thần thoại, có thể nghĩa là, luôn luôn hay không bao giờ. Đây là biến cố lịch sử có ngày tháng chính xác tầm quan trọng trọn vẹn mà những gì xảy ra trong lịch sử thật đều có. Cũng như những gì xảy ra trong lịch sử, biến cố này chỉ xảy ra một lần. Biến cố này cùng thời với mọi thời, nhưng không theo cách thức là một thần thoại phi thời gian.

Nhưng điểm nhấn không chỉ về thời gian: Vị hoàng đế và Đức Giêsu đại diện cho hai trật tự khác nhau của thực tại. Cả hai không loại trừ nhau, nhưng cuộc hội ngộ của cả hai có khả năng làm nổ tung sự mâu thuẫn có liên hệ mật thiết đến những vấn nạn cơ bản về nhân loại và về hiện hữu con người. Về sau, Đức Giêsu nói “của Xêda, trả về Xêda; của Thiên Chúa, trả về Thiên Chúa” (Mc 12:17), là cách thức diễn đạt tính tương hợp nền tảng của cả hai lãnh vực. Nhưng khi hoàng đế tự giải thích quyền thế của mình như của một vị chúa, ví dụ như khi Augútô tuyên bố là người đem lại hoà bình cho thế giới và cứu độ nhân loại, như thế, người Kitô hữu phải “vâng lời Thiên Chúa hơn vâng lời người phàm” (Cv 5:29). Kể đó, việc những người Kitô hữu trở thành “tử đạo” để làm chứng cho Đức Kitô, vì chính Ngài là “nhân chứng trung thành” đã chết trên Thập giá dưới thời quan Phongxiô Philatô (Kh 1:5). Luca đề cập đến Phongxiô Philatô cho thấy hình bóng của Thập giá ngay từ lúc Đức Giêsu bắt đầu cuộc đời hoạt động công khai. Những tên tuổi như Hêrôđê, Anna, Caipha cũng tiên báo trước Thập giá.

Nhưng một điểm khác sáng tỏ qua sự kiện Luca liệt kê bên cạnh hoàng đế và các quận vương là việc Đất thánh bị phân chia. Tất cả những ông hoàng này lệ thuộc vào Roma ngoại giáo. Vương quốc Đavít tan rã ra từng mảnh, “lều” của Đavít hư hại (x. Am 9:11 tt). Miêu duệ Đavít, người cha hợp pháp của Đức Giêsu, là một bác thợ mộc trong một tỉnh lỵ có nửa ngoại giáo thuộc Galilê. Một lần nữa, Israel đang sống trong bóng tối vì thiếu vắng sự hiện diện của Chúa. Thiên Chúa im lặng, dường như quên đi những lời hứa với Ápraham và Đavít. Lời than khóc ngày xưa được nghe lại một lần nữa: Chúng tôi chẳng còn có ngôn sứ nào cả, dường như Thiên Chúa đã bỏ dân Người. Vì chính lý do này, miền đất tràn ngập sự lo âu.

Những phong trào đối lập, những niềm hy vọng và mong chờ đã định hình xu

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: Jesus of Nazareth

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

hướng chính trị và tôn giáo. Vào khoảng thời gian Đức Giêsu sinh ra, Giuđê người Galilê đã kêu gọi cuộc nổi dậy, nhưng bị người Roma đập tan với cuộc thảm sát đẫm máu. Giuđê để lại một đảng phái, nhóm Zealot. Nhóm này đã sửa soạn tổ chức lại để khùng bố và dùng bạo lực phục hồi tự do cho Israel. Có khả năng một hay hai môn đệ trong nhóm Mười Hai Tông đồ của Đức Giêsu, Simon Nhiệt thành và có lẽ Giuđa Ítcariốt, đã từng là thành viên của phong trào này. Người Phariseu mà chúng ta thường gặp trong các Tin Mừng, đã nỗ lực sống theo những hướng dẫn của luật Torah cách cực kỳ chính xác nhất. Họ cũng chối từ tuân theo sự lãnh đạo của nền văn hoá Hy Lạp-La mã, cách tự nhiên đã tự áp đặt trong khắp đế quốc La mã, và giờ đây, nền văn hoá này đang gây áp lực buộc Israel đồng hoá với cách sống của dân ngoại. Đa số nhóm Sadốc thuộc về tầng lớp quý tộc và giới thượng tế, đã cố gắng thực hành Do Thái giáo, thức thời với hoàn cảnh này, và cũng thỏa hiệp với thống trị La mã. Sau khi Giêrusalem bị tàn phá (A.D. 70), nhóm Sadốc biến mất, trong khi đó, mô hình cuộc sống mà nhóm Phariseu thực hành lại tìm ra hình thức vững bền theo cách thức của Do Thái giáo do Mishnah và Talmud định hình. Mặc dầu chúng ta quan sát thấy sự đối lập giữa Đức Giêsu và người Phariseu trong các Tin Mừng, và cho dù cái chết của Ngài trên Thập giá cực kỳ phản kháng với chủ trương của nhóm Zealot, chúng ta nên nhớ rằng dân chúng đến với Đức Kitô thuộc đủ mọi thành phần và cộng đoàn Kitô tiên khởi bao gồm một số thượng tế và cựu Phariseu.

Sau Thế chiến Thứ hai, một khám phá tình cờ dẫn đến những cuộc khai quật tại Qum-ran, đưa các bản văn ra ánh sáng mà một số học giả cho là liên quan đến một phong trào khác, cho đến nay chỉ được biết đến qua những tham khảo văn chương: Được gọi là nhóm Essenes. Nhóm này chống lại đền thờ Hêrôđê và phụng tự đền thờ để rút lui vào trong hoang địa Giuđê. Ở đây, họ thành lập những cộng đoàn theo kiểu đan tu, nhưng cũng có một đời sống chung cho những gia đình có động lực tôn giáo. Họ cũng thành lập một trung tâm văn chương phong phú và lập nên những nghi thức khác biệt, bao gồm cả nghi thức tẩy rửa và những lời nguyện chung. Lòng mộ đạo sốt sắng trong các bản văn Qum-ran đang chuyển động. Điều này tho thấy, không chỉ Gioan Tẩy giả, nhưng có thể cả Đức Giêsu và gia đình của Ngài, rất gần gũi với cộng đoàn Qum-ran. Dù sao đi nữa, trong các bản văn Qum-ran có khá nhiều điểm tiếp cận với sứ điệp Kitô. Một giả thuyết hợp lý cho rằng Gioan Tẩy giả đã sống trong cộng đoàn này một thời gian và đã nhận được một phần huấn luyện tôn giáo của mình trong cộng đoàn này.

Thế nhưng việc xuất hiện của vị Tẩy giả trong cảnh này là điều hoàn toàn mới mẻ. Phép Rửa mà ông thi hành hoàn toàn khác với sự tẩy rửa tôn giáo thông thường. Phép Rửa này không thể lập lại và có nghĩa là một sắc lệnh cụ thể về việc hoán cải ban ra một hướng đi mới muôn đời cho toàn thể cuộc đời. Phép Rửa này nối kết với lời mời gọi mãnh liệt, dẫn đến cách thức suy nghĩ và hành động mới, nhưng trên hết tất cả, với lời công bố về sự phán xét của Thiên Chúa và với lời tuyên bố về một Đấng lớn hơn Gioan sẽ đến. Tin Mừng thứ tư cho chúng ta biết rằng Vị Tẩy giả "không biết" nhân vật lớn hơn này (x. Ga 1:30-31) mà ông đang dọn đường. Nhưng vị Tẩy giả biết vai trò của mình là dọn

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: Jesus of Nazareth

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

đường cho Đấng khác bí nhiệm, mà toàn thể sứ mạng của ông đều hướng về Ngài.

Cả bốn Tin Mừng diễn tả sứ mạng này trong việc dùng đoạn văn của Isaiah "Có tiếng hô: 'Trong sa mạc, hãy mở một con đường cho Đức Chúa, giữa đồng hoang, hãy vạch một con lộ thẳng băng cho Thiên Chúa chúng ta'" (Is 40:23). Máccô thêm vào tài liệu của Malakhi 3:1 và Xuất hành 23:20. Tư liệu này được lặp lại ở một chỗ khác nhau trong Mátthêu (Mt 11:10), và cũng như trong Luca (Lc 1:76 và 7:27). "Này Ta sai sứ giả của Ta đi trước mặt Con, người sẽ dọn đường cho Con" (Mc 1:2). Tất cả những bản văn Cựu Ước này nhìn thấy trước sự can thiệp cứu độ của Thiên Chúa, Đấng hiện đến từ nơi ẩn mình để phán xét và để cứu độ. Để cho vị Chúa này mà cánh cửa đã mở ra và con đường sẵn sàng. Những lời hy vọng xưa được đem vào trong hiện tại với lời rao giảng của vị Tẩy giả: Những việc vĩ đại sẽ được mở ra.

Chúng ta có thể tưởng tượng ra ấn tượng khác thường mà nhân vật và sứ điệp của Gioan Tẩy giả đã tạo ra trong bầu khí cao điểm tại Giêrusalem vào thời điểm lịch sử đặc biệt đó. Cuối cùng, lại có một một ngôn sứ và cuộc đời của ông đánh dấu như thế. Rốt cuộc, bàn tay Thiên Chúa đang hành động cách rõ rệt một lần nữa. Gioan rửa bằng nước, nhưng Đấng cao trọng hơn sẽ rửa bằng Thánh Thần và bằng lửa. Đấng ấy đã đứng trước cửa rồi. Qua tất cả những điều này, tuyệt đối không có lý do gì để giả định rằng Máccô cường điệu lên khi tường trình rằng "mọi người từ khắp miền Giuđê và thành Giêrusalem kéo đến với ông. Họ thú tội và ông làm phép rửa cho họ" (Mc 1:5). Phép Rửa của Gioan bao gồm việc xưng thú tội lỗi. Do Thái giáo thời đó quen thuộc với cả hai, lời xưng thú tội lỗi mang tính công thức chung hơn và việc thực hành xưng thú mang tính cá nhân cao, trong đó kỳ vọng đến việc liệt kê ra những hành vi tội lỗi cá nhân (Gnilka, *Matthäusevangelium* I, tr. 68). Mục đích thật sự là từ bỏ cuộc sống tội lỗi mà cá nhân đã sống đến bây giờ và bắt đầu một hành trình hướng đến một cuộc sống mới và thay đổi.

Nghi thức thực sự của Phép Rửa biểu tượng điều này. Một mặt, việc nhận chìm vào trong nước là biểu tượng sự chết, gợi nhớ lại biểu tượng chết chóc thuộc về quyền năng tiêu huỷ và tàn phá của lũ lụt đại dương. Lý trí thời xưa quan niệm đại dương như sự đe dọa thường xuyên tới vũ trụ, tới trái đất. Trận lụt thời nguyên thủy đã nhấn chìm tất cả sự sống. Dòng sông (Giordan) cũng có thể nhận lấy giá trị biểu tượng này cho những ai được nhận chìm trong đó. Nhưng trên hết tất cả, dòng chảy của con sông là một biểu tượng sự sống. Những dòng sông lớn như Nile, Euphrates và Tigris, là những người ban phát sự sống cách vĩ đại. Cả đến ngày nay, dòng sông Giordan cũng là nguồn sự sống cho các miền phụ cận. Nhận chìm vào trong nước nói lên sự thanh tẩy, sự giải thoát khỏi dơ bẩn của quá khứ đã đè nặng và bóp méo cuộc sống. Nhận chìm vào nói về sự bắt đầu lần nữa, có nghĩa là về chết đi và sống lại, về bắt đầu lại cuộc sống lần nữa. Như thế, chúng ta có thể nói rằng đây là sự tái sinh. Tất cả việc này phải chờ đợi đến nền thần học phép rửa của Kitô được khai triển cách rõ ràng, nhưng hành động đi xuống sông Giordan và đi lên ra khỏi nước đã hàm chứa những

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

triển khai sau.

Như chúng ta vừa nghe, toàn thể Giuđê và Giêrusalem đã lũ lượt kéo đến để chịu phép rửa. Nhưng giờ đây, một điều mới xảy ra. “Hồi ấy, Đức Giêsu từ Nadarét miền Galilê đến, và được ông Gioan làm phép rửa dưới sông Giođan” (Mc 1:9). Đến bây giờ chưa nói gì về những khách hành hương đến từ Galilê. Hình như hành động này chỉ giới hạn tại vùng Giuđê. Nhưng sự khác biệt thật sự ở đây không phải là sự kiện Đức Giêsu xuất thân từ địa dư khác, như thế từ một miền đất xa xôi. Sự khác biệt thật là sự kiện Đức Giêsu muốn nhận phép rửa để Ngài hoà nhập với đám đông tội nhân đang chờ trên bờ sông Giođan. Chúng ta vừa nghe thấy việc xưng thú tội lỗi là một yếu tố của Phép Rửa. Chính Phép Rửa là lời xưng thú tội lỗi và là nỗ lực từ bỏ đời sống hư hỏng cũ và nhận lấy đời sống mới. Đức Giêsu có thể làm những điều này hay không? Làm sao Ngài có thể xưng thú tội lỗi? Làm thế nào Ngài có thể tách chính Ngài ra khỏi cuộc sống trước đó, để có thể bắt đầu một cuộc sống mới? Người Kitô hữu không thể tránh né câu hỏi này. Mátthêu ghi lại cuộc tranh luận giữa vị Tẩy giả và Đức Giêsu cho chúng ta, cũng để diễn đạt về câu hỏi riêng của các Kitô hữu tiên khởi cho Đức Giêsu. “Chính tôi mới cần được Ngài làm phép rửa, thế mà Ngài lại đến với tôi!” (Mt 3:14). Mátthêu tiếp tục tường thuật lại cho chúng ta rằng “Đức Giêsu trả lời: ‘Bây giờ cứ thế đã. Vì chúng ta nên làm như vậy để giữ trọn đức công chính’. Bây giờ ông Gioan mới chiều theo ý Người” (Mt 3:15).

Không dễ gì giải mã ý nghĩa của câu trả lời nghe như lời ẩn này. Dù sao chẳng nữa, từ ngữ Hy Lạp “bây giờ, *artis*” hàm chứa một số hạn chế: Đây là hoàn cảnh tạm thời và đặc biệt đòi hỏi cách thức hành động đặc biệt. Chìa khóa để giải thích câu trả lời của Đức Giêsu là chúng ta hiểu từ *công chính, righteousness* như thế nào: Toàn thể sự công chính phải được hoàn tất. Trong thế giới của Đức Giêsu, công chính là câu trả lời của con người đối với luật Torah, hoàn toàn chấp nhận ý Thiên Chúa, mang lấy “ách của Nước Thiên Chúa”, như một công thức đưa ra. Không có sự chuẩn bị cho Phép Rửa của Gioan trong luật Torah, nhưng câu trả lời này của Đức Giêsu là con đường Ngài thừa nhận Phép Rửa như một diễn đạt về tiếng Xin Vâng vô hạn tới ý của Thiên Chúa, như sự chấp nhận vâng phục ách của Người.

Hành động đi xuống vào trong nước của Phép Rửa này hàm chứa lời xưng thú tội lỗi lầm và khẩn xin sự tha thứ để thực hiện một bắt đầu mới. Như thế, trong một thế giới đóng ấn bởi tội lỗi, lời Xin Vâng tới toàn thể ý của Thiên Chúa cũng diễn tả sự liên đới với con người đã phạm tội nhưng khao khát sự công chính. Ý nghĩa của biến cố này không nổi bật cách trọn vẹn, cho đến khi được nhìn dưới ánh sáng của Thập giá và Sống lại. Đang khi bước xuống nước, các dự tòng cho Phép Rửa xưng thú tội lỗi của họ và tìm cách loại bỏ gánh nặng tội lỗi của họ. Đức Giêsu đã làm gì trong cùng trường hợp như thế? Xuyên suốt Tin Mừng của mình, Luca đã chú trọng đến việc cầu nguyện của Đức Giêsu và mô tả Ngài cầu nguyện nhiều lần, trong đối thoại với Chúa Cha. Luca kể cho chúng ta rằng đang khi cầu nguyện, Đức Giêsu đã nhận Phép Rửa (x. Lc 3:21). Nhìn các biến cố này trong ánh sáng Thập giá và Sống lại, người Kitô hữu nhận ra những gì đã

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

xảy ra: Đức Giêsu đã gánh lấy mọi tội lỗi của con người trên vai mình. Ngài đã mang những tội lỗi này xuống vào trong sâu thẳm của Giordan. Ngài đã khai mạc hoạt động công khai của mình, bằng cách bước vào trong chỗ đứng của tội nhân. Cung cách khai mở của Ngài là sự tiên báo về Thập giá. Ngài là Giônã thật đã nói với các thủy thủ trên tàu "Hãy đem tôi ném xuống biển" (Gn 1:12). Toàn thể ý nghĩa của việc Đức Giêsu nhận Phép Rửa, chi tiết Ngài mang "tất cả sự công chính", trước tiên đến từ ánh sáng của Thập giá. Phép Rửa là sự chấp nhận cái chết vì tội lỗi nhân loại, và có tiếng phán ra rằng "Đây là Con Ta yêu dấu" trên nước rửa là lời ám chỉ tiên báo đến sự Sống lại. Điều này cũng giải thích tại sao trong chính những diễn từ của riêng Ngài, Đức Giêsu lại dùng từ *phép rửa* để nói về cái chết của Ngài (x. Mc 10:38; Lc 12:50).

Chỉ từ điểm xuất phát này, chúng ta mới có thể hiểu Phép Rửa Kitô. Phép Rửa của Đức Giêsu tiên báo trước cái chết của Ngài trên Thập giá, và tiếng nói từ trời tiên báo về sự Sống lại. Giờ đây, những lời tiên báo này đã trở thành thực tại. Phép Rửa bằng nước của Gioan đã nhận được ý nghĩa trọn vẹn qua Phép Rửa của chính cuộc đời và cái chết của riêng Đức Giêsu. Giờ đây, việc chấp nhận lời mời gọi chịu phép rửa có nghĩa là đi đến nơi Đức Giêsu chịu Phép Rửa. Đó là đi đến nơi nào Ngài đồng nhất chính Ngài với chúng ta và từ chỗ đó, chúng ta nhận lãnh căn tính của chúng ta với Ngài. Tiếp điểm nơi Ngài tiên báo trước cái chết của Ngài, giờ đây trở thành tiếp điểm nơi chúng ta tiên báo tái sinh lại với Ngài. Phaolô triển khai nổi kết nội tại này trong nền thần học Phép Rửa của ngài (x. Rm 6), cho dù không nhắc đến Phép Rửa của Đức Giêsu tại Giordan cách rõ ràng.

Giáo Hội Đông phương khai triển rộng hơn và đi sâu vào trong tư duy này về Phép Rửa của Đức Giêsu trong nền phụng vụ và trong nền thần học icon của mình. Giáo Hội Đông phương nhận ra nổi kết sâu xa giữa nội dung lễ Hiển linh (tiếng nói từ trời tuyên bố Đức Giêsu là Con Thiên Chúa: Vì đối với Đông phương, lễ Hiển linh là ngày của Phép Rửa) với Phục sinh. Đông phương nhận ra nhận xét của Đức Giêsu về Gioan rằng "Vì chúng ta nên làm như vậy để giúp trọn đức công chính" (Mt 3:15) như việc tiên báo về lời nguyện của Ngài với Chúa Cha trong vườn Ghết-sê-mani: "Lạy Cha, ... xin đừng theo ý Con, mà xin theo ý Cha" (Mt 26:39). Những thánh thi trong phụng vụ của ngày mồng 3 tháng Giêng phù hợp với những thánh thi của ngày thứ Tư Tuần thánh. Những thánh thi của ngày mồng 4 tháng Giêng tương ứng với các thánh thi trong ngày thứ Năm Tuần thánh. Các thánh thi của ngày mồng 5 tháng Giêng phù hợp với các thánh thi ngày thứ Sáu và thứ Bảy Tuần thánh.

Truyền thống hình tượng chọn những tương ứng này. Icon về Phép Rửa của Đức Giêsu miêu tả nước như ngôi mộ thuộc tinh thể lỏng có hình dáng một hang động tối tăm. Hang động này là dấu chỉ hình tượng âm phủ, thế giới bên dưới hay hoả ngục. Đức Giêsu đi xuống trong ngôi mộ nước này, vào trong địa ngục này gói Ngài lại từ mọi góc cạnh, vì thế, là sự tiên báo trước hành động của Ngài đi vào trong thế giới âm ti. Thánh Cyril thành Giêrusalem nói rằng "Khi Ngài đã vào trong nước, Ngài đã bỏ lại con người mạnh mẽ" (x. Lc 11:22). Thánh Gioan

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

Chrysostom viết “Đi xuống nước và lại trở lên là hình ảnh việc đi vào trong hoả ngục và Sống lại”. Thánh thi ngắn trong nền Phụng vụ Byzantine đã thêm vào một nối kết biểu tượng khác. “Áo choàng của Elisha đã quay lưng lại Giôđan và nước bị phân rẽ để lại một con đường khô ráo. Đây là hình ảnh thật của Phép Rửa, nhờ đó, chúng ta vượt qua cuộc sống” (Evdokimov, *The Art of the Icon*, tr. 296).

Kể đến, Phép Rửa của Đức Giêsu được nhấn mạnh như sự lặp lại toàn thể lịch sử, vừa tóm tắt quá khứ và vừa tiên báo tương lai. Việc Ngài đi vào trong tội lỗi của người khác là việc đi xuống “âm phủ”. Nhưng Ngài không đi xuống trong vai trò một khán giả, như trong *Âm Phủ* của Dante. Đúng hơn, Ngài đi xuống trong vai trò của Đấng chịu đau khổ với người khác. Việc đi xuống là đau khổ đang được biến đổi và quay thế giới bên dưới trở lại, phá đổ và đẩy tung cửa địa ngục. Phép Rửa của Ngài là việc đi xuống để vào trong căn nhà của ma quỷ, chiến đấu với “người mạnh thế”. Nó bị đánh bại và trói buộc bởi Đấng mạnh hơn, vì Đấng này ngang hàng với Thiên Chúa, Đấng này có thể nhận lấy mọi tội lỗi của thế gian và kể đến, chịu đau khổ với tội lỗi cho đến cùng, không bỏ sót điều gì trên con đường đi xuống để đồng nhất với con người sa ngã. Cuộc chiến đấu này là sự “hoán cải” hữu thể để đem nó vào trong một điều kiện mới, để sửa soạn một trời mới và đất mới. Nhìn từ góc độ này, bí tích Phép Rửa tỏ hiện như ân huệ tham dự vào trong cuộc chiến đấu-đang biến đổi-thế giới của Đức Giêsu, vào trong việc hoán cảnh đời sống đã xảy ra trong việc Ngài đi xuống và đi lên.

Cách giải thích mang tính giáo hội và việc đọc lại biến cố Phép Rửa của Đức Giêsu có đem chúng ta đi quá xa khỏi Sách thánh hay không? Thật hữu ích khi lắng nghe Tin Mừng thứ bốn trong bối cảnh này. Theo Gioan, khi vị Tẩy giả vừa thấy Đức Giêsu, ông nói “Đây là Chiên Thiên Chúa, đây Đấng xoá bỏ tội trần gian” (Ga 1:29). Những lời này được nói lên trước việc phân phát Thánh thể trong Phụng vụ Roma, đã trở nên cơ hội cho khá nhiều thắc mắc. “Chiên Thiên Chúa” có ý nghĩa gì? Tại sao Đức Giêsu được gọi là Con Chiên? Tại sao Con Chiên này gánh lấy tội trần gian, làm biến mất mọi tội lỗi như cướp chúng khỏi bất cứ bản thể hay thực tại nào?

Chúng ta tri ân công việc của Joachim Jeremias, nhờ đó, chúng ta có chìa khoá để hiểu những lời này cách chính xác và xem những lời này, cả từ quan điểm lịch sử, như những lời đích thực của chính vị Tẩy giả. Trước hết, những lời này bao gồm hai ám chỉ đồng nhất từ Cựu Ước. Bài ca về Người Tôi Tớ Đau khổ trong Isaiah so sánh Người Tôi Tớ Đau khổ của Thiên Chúa với Con Chiên bị dẫn đi sát tế. “Như cừu câm nín khi bị xén lông, Người chẳng hề mở miệng” (Is 53:7). Quan trọng hơn thế nữa, Đức Giêsu chịu đóng đinh trong ngày lễ Vượt qua, và từ lúc đó trở đi, Đức Giêsu xuất hiện như Con Chiên Vượt qua đích thật, trong Con Chiên này đã hoàn tất ý nghĩa về con chiên Vượt qua trong thời Xuất hành khỏi Ai cập: Sự giải thoát khỏi quyền thống trị của sự chết tại Ai cập và mở ra cho cuộc Xuất hành, cho hành trình vào trong tự do của lời hứa. Trong ánh sáng Phục sinh, biểu tượng con chiên này nhận lấy tầm quan trọng nền

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

tàng để hiểu Đức Kitô. Chúng ta tìm thấy ý nghĩa này trong Phaolô (x. 1Cor 5:7), trong Gioan (x. Ga 19:36), trong thư thứ nhất của Phêrô (x. 1Pr 1:19), trong sách Khải huyền (ví dụ Kh 5:6).

Jeremias đưa ra một nhận xét khác cho rằng từ *talia* trong Do thái vừa có nghĩa "con chiên" và vừa có nghĩa "con trai" hay "tôi tớ" (TDNT, I, tr. 339). Như thế, trong ví dụ đầu tiên, có thể vị Tầy giả muốn ám chỉ đến Tôi Tớ của Chúa mang lấy tội lỗi của thế gian qua việc đền tội đã được uỷ nhiệm. Nhưng ám chỉ này cũng xác nhận Ngài là Con Chiên Vượt qua đích thật đã chuộc đền và xoá đi tội lỗi trần gian. "Đấng Cứu Thế đang chết trên Thập giá, đã đi vào cái chết được uỷ nhiệm cách kiên nhẫn như con chiên sát tế. Nhờ vào sức mạnh chuộc đền trong cái chết vô tội của Ngài, Ngài đã tẩy sạch... tội lỗi của toàn thể nhân loại" (TDNT, I, tr. 340). Nếu ngay giờ tội cùng khi dân Do thái chịu áp bức bên Ai cập, máu của Con Chiên Vượt qua đã trở thành chìa khóa để giải thoát dân Do thái, giờ đây, người Con đã trở thành một người tôi tớ, người chăn chiên đã trở thành con chiên, không còn chỉ thay thế cho Israel nữa, nhưng cho sự giải thoát thế gian, cho toàn thể nhân loại.

Điều này đưa chúng ta đến chủ đề quan trọng về sứ mạng phổ quát của Đức Giêsu. Israel không hiện hữu cho chính mình. Nhưng việc chọn Israel là con đường Thiên Chúa dự định để đến với tất cả mọi người. Ý tưởng phổ quát sẽ trở lại nhiều lần như hạt nhân đích thật trong sứ mạng của Đức Giêsu. Qua việc nhắc đến Con Chiên Thiên Chúa gánh tội trần gian, Tin Mừng thứ tư đặt tư tưởng này ngày từ khởi điểm trong hành trình của Đức Giêsu.

Việc nhắc đến Con Chiên Thiên Chúa giải thích Phép Rửa của Đức Giêsu, việc Ngài đi xuống để vào trong vực sâu sự chết, như là nền thần học Thập giá, nếu như chúng ta muốn diễn đạt như thế. Cả bốn Tin Mừng đều ghi lại theo cách khác nhau, khi Đức Giêsu đã đi lên từ nước, trời "xé ra" (Mc 1:10) hay "mở ra" (Mt 3:16; Lc 3:21). Thánh Thần hiện xuống trên Ngài "như chim bồ câu". Và giữa lúc này, một tiếng nói từ trời vang lên. Theo Máccô và Luca, tiếng nói này gọi Đức Giêsu với những lời "Con là Con..." Theo Máttêu, tiếng nói này nói về Ngài trong ngôi thứ ba, nói rằng "Đây là Con yêu dấu của Ta, Ta hài lòng về Người" (Mt 3:17). Hình ảnh bồ câu có thể gợi lại trình thuật sáng tạo nói về Thần Khí bay lượn trên nước (St 1:2). Từ ngữ *giống như* ('giống như bồ câu') đề nghị một cái "mím cười về những gì mà cuối cùng không thể nào diễn tả được" (Gnilka, *Matthäusevangelium*, I, tr. 78). Cùng một tiếng nói từ trời lại vang lên một lần nữa khi Đức Giêsu biến hình, cho dù có thêm vào mệnh lệnh "Hãy nghe lời Người". Khi chúng ta đề cập đến biến hình, chúng ta sẽ xem xét cách cẩn thận về ý nghĩa của những từ này.

Ngay lúc này, tôi chỉ muốn nhấn mạnh cách vắn tắt đến ba chiều kích của cảnh tượng này. Trước hết là hình ảnh trời mở ra: Trời mở ra trên Đức Giêsu. Sự hiệp thông ý của Ngài với Chúa Cha, sự hoàn tất của Ngài cho "tất cả công chính", mở trời ra. Trời là nơi mà ý Thiên Chúa được hoàn tất cách tuyệt đối. Khía cạnh kế tiếp là lời tuyên bố của Thiên Chúa, của Cha về sứ mạng của Đức Giêsu. Lời

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

tuyên bố này không giải thích về những việc Đức Giêsu làm, nhưng về Ngài là ai: Ngài là người Con yêu dấu, trong Ngài, niềm vui thiện hảo của Thiên Chúa ngừng lại. Cuối cùng, tôi muốn cho thấy rằng, trong cảnh tượng này, cùng với người Con, chúng ta hội ngộ với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần. Mầu Nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi bắt đầu tỏ lộ, cho dù chiều sâu của mầu nhiệm này chỉ được mạc khải cách trọn vẹn khi hành trình của Đức Giêsu kết thúc. Vì lý do này, cho dù, có một hình cung nối liền điểm bắt đầu hành trình của Đức Giêsu với những lời khi Ngài sai các môn đệ vào trong thế gian sau khi Sống lại: “Vậy anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần” (Mt 28:19). Phép Rửa mà các môn đệ của Đức Giêsu thi hành từ khi Ngài nói những lời này, là cánh cửa đi vào trong Phép Rửa của riêng Thầy, vào trong thực tại mà Ngài đã tiên báo qua phương cách của nó. Đây là con đường trở nên một người Kitô hữu.

Dư luận tổng quát của nhóm học giả tự do đã giải thích Phép Rửa của Đức Giêsu như một kinh nghiệm nghề nghiệp. Sau khi sống một cuộc sống hoàn toàn bình thường tại tỉnh lẻ Galilê, khi nhận Phép Rửa, Ngài đã có một kinh nghiệm kinh thiên động địa. Kể đó, chúng ta được nghe rằng Ngài trở nên ý thức về tương quan đặc biệt của Ngài với Thiên Chúa và sứ mạng tôn giáo của Ngài. Hơn thế nữa, sứ mạng này giả định xuất phát từ động cơ kỳ vọng đang nổi cộm trong Israel, do Gioan tái tạo lại cách sáng tạo, và từ một biến cố tình cảm mà biến cố Phép Rửa được đem vào cuộc đời của Đức Giêsu. Nhưng những tư tưởng này không có mặt trong bản văn. Tuy nhiên, nhiều kiwns thức uyên bác đã đi vào trong việc trình bày cách đọc này. Cách đọc này có bà con với “tiểu thuyết Giêsu” hơn là với cách chú giải đích thực của những bản văn. Những bản văn không mở ra cho chúng ta cửa sổ nào vào trong cuộc đời nội tâm của Đức Giêsu. Đức Giêsu đứng trên tâm lý hoá của chúng ta (Guardini, *Das Wesen des Christentums*). Nhưng các bản văn giúp cho chúng ta biết chắc làm thế nào Đức Giêsu nối kết với “Môsê và các Ngôn sứ”. Các bản văn giúp cho chúng ta nhận ra sự hiệp nhất nội tại trong quy trình kéo dài từ lúc đầu tiên trong cuộc đời của Ngài cho đến Thập giá và Sống lại. Đức Giêsu không xuất hiện trong vai trò của một chủ thể thiên tài dẫn đến những biến động mạng tính xúc cảm, có khi thất bại và có khi thành công. Nếu đúng như thế, Ngài vẫn duy trì chỉ là một cá nhân đã sống thời xa xưa, và như thế, Ngài tách biệt với chúng ta cách triệt để bởi hố sâu ngăn cách không thể nối lại được. Thay vào đó, Ngài đứng trước chúng ta như là “người Con yêu dấu”. Một mặt, Ngài là Đấng Khác hoàn toàn, cũng như thế, Ngài cũng có thể trở thành đồng thời với tất cả chúng ta, “gần gũi” mỗi cá nhân chúng ta “hơn chúng ta gần gũi với chính chúng ta” (Thánh Augustinô, *Tự Thú*, III, 6, 1).

CHƯƠNG II : ĐỨC GIÊSU CHỊU CÁM ĐỒ

Việc Thánh Thần ngự xuống trên Đức Giêsu kết thúc cảnh tượng Phép Rửa và được hiểu như là lễ nhận chức vụ thiên sai cách chính thức. Vì thế, các Giáo phụ đã quan niệm biến cố này tương tự như việc xúc dầu tấn phong các vua chúa và

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

các vị thượng tế trong Israel khi nhận chức vụ. Các thuật ngữ *Messiah* và *Kitô* có nghĩa là “Đấng được xúc dầu”: Trong Cựu Ước, việc xúc dầu được xem như dấu chỉ hiển nhiên rằng người được xúc dầu được trao cho những hồng ân thuộc về chức vụ, với Thần Khí Thiên Chúa. Isaiah 11:1 đã khai triển đề tài này vào trong niềm hy vọng về “Đấng được xúc dầu” thật. Cách chính xác, Thánh Thần Thiên Chúa sẽ ngự xuống trên Đấng được xúc dầu. “Thần khí khôn ngoan và minh mẫn, thần khí mưu lược và dũng mãnh, thần khí hiểu biết và kính sợ Đức Chúa” (Is 11:2). Theo trình thuật của Luca, Đức Giêsu tự giới thiệu bản thân và sứ mạng của mình trong hội đường tại Nadarét khi trích dẫn một đoạn trong Isaiah. “Thần Khí Chúa ngự trên tôi, vì Chúa đã xúc dầu tấn phong tôi” (Lc 4:18; x. Is 61:1). Kết luận của cảnh tượng Phép Rửa cho chúng ta thấy rằng Đức Giêsu đã nhận việc “xúc dầu” thật này. Ngài là Đấng được xúc dầu đã chờ đợi. Ngay lúc ấy, phẩm giá vương giả và tư tế được ban cho Ngài cách chính thức cho tất cả mọi thời đại trong sự hiện diện của Israel.

Từ đó trở đi, Ngài có trách nhiệm với sứ mạng này. Khác ngạc nhiên, cả ba Tin Mừng Nhất Lãm đều kể lại cho chúng ta rằng mệnh lệnh đầu tiên của Thần Khí là dẫn Ngài vào trong hoang địa để chịu “ma quỷ cám dỗ” (Mt 4:1). Hành động này mở đầu với sự tĩnh tâm, và rõ ràng, sự tĩnh tâm này cũng là cuộc chiến nội tâm để trung thành với nhiệm vụ, cuộc chiến chống lại tất cả những bóp méo về nhiệm vụ, tuyên bố là sự hoàn tất đích thật. Đây là việc đi xuống vào trong những hiểm họa đang bủa vây nhân loại, vì không có cách nào khác để nâng nhân loại sa ngã đứng lên. Đức Giêsu phải đi vào trong bi kịch hiện hữu nhân loại, bởi vì điều này thuộc về cốt lõi trong sứ mạng của Ngài. Ngài phải thâm nhập hoàn toàn vào trong bi kịch này, xuống tận thẳm sâu của nó, để tìm kiếm “con chiên lạc”, mang nó trên vai mình, và đem nó về nhà.

Kinh Tin Kính của các Tông đồ nói về việc Đức Giêsu xuống trong “ngục tổ tông”. Việc đi xuống này không chỉ xảy ra trong và sau cái chết của Ngài, nhưng còn đồng hành trong suốt hành trình của Ngài. Ngài phải nắm lại toàn thể lịch sử ngay từ khởi đầu, từ Adam trở đi. Ngài phải đi qua, chịu đau khổ qua toàn thể lịch sử để có thể biến đổi nó. Cách đặc biệt, thư Do thái nhấn mạnh cách hùng hồn đến sứ mạng của Đức Giêsu, sự liên đới với tất cả chúng ta mà Ngài đã tỏ bày trước trong Phép Rửa của Ngài, bao gồm luôn cả sự phơi trần ra cho sự mạo hiểm và nguy hiểm trong hiện hữu nhân loại. “Bởi thế, Người đã phải nên giống anh em về mọi phương diện, để trở thành một vị Thượng Tế nhân tử và trung tín trong việc thờ phượng Thiên Chúa, hầu đền tội cho dân. Vì bản thân Người đã trải qua thử thách và đau khổ, nên Người có thể cứu giúp những ai bị thử thách” (Dt 2:17-18). “Vị Thượng Tế của chúng ta không phải là Đấng không biết cảm thương những nỗi yếu hèn của ta, vì Người đã chịu thử thách về mọi phương diện cũng như ta, nhưng không phạm tội” (Dt 4:15). Vì thế, câu chuyện cám dỗ nổi kết mật thiết với câu chuyện Phép Rửa, vì từ đó, Đức Giêsu đã đi vào liên đới với tội nhân. Một lần nữa, chúng ta thấy Đức Giêsu vật lộn với sứ mạng của Ngài trong cơn thống khổ tại núi cây Dầu. Nhưng “nhưng cám dỗ” luôn ở với Ngài trong từng bước đi. Theo nghĩa này, chúng ta có thể thấy câu chuyện cám dỗ, cũng như câu chuyện Phép Rửa, như sự tiên báo được cô đọng

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

vào trong một diễn đạt đơn độc về cuộc chiến mà Ngài phải chịu đựng từng bước trong sứ mạng của Ngài.

Trong trình thuật ngắn về những cám dỗ (Mc 1:13), Máccô làm nhẹ đi song đối giữa Adam và Đức Giêsu, bằng cách nhấn mạnh đến việc Đức Giêsu "chịu đau khổ qua" bị kịch thuộc phần bản chất nhân loại như thế nào. Chúng ta đọc thấy Đức Giêsu "sống giữa loài dã thú, và có các thiên sứ hầu hạ Người" (Mc 1:13). Hoang địa, hình ảnh đối lập với địa đàng, trở thành nơi hoà giải và chữa lành. Dã thú là nỗi lo sợ cụ thể nhất mà cuộc nổi loạn của tạo vật và quyền bính sự chết đặt ra cho nhân loại. Nhưng ở đây, dã thú trở thành bạn hữu của con người, như có lần chúng đã ở trong thiên đàng. Hòa bình được tái lập, hòa bình mà Isaiah đã loan báo vào những ngày của Đấng Messiah. "Sói sẽ ở với chiên con, bao năm bên dê nhỏ" (Is 11:6). Một khi chiến thắng tội lỗi, và tái lập lại sự hoà hợp giữa con người với Thiên Chúa, tạo vật cũng được hoà giải. Tạo vật bị xé ra từng mảnh vì xung đột, một lần nữa, lại trở thành nơi cư ngụ của hoà bình, như Phaolô đã diễn tả về hoà bình khi nói về sự rên siết của tạo vật "ngong ngóng đợi chờ ngày Thiên Chúa mạc khải vinh quang của con cái Người" (Rm 8:19).

Phải chăng ốc đảo của tạo vật đã xuất hiện chung quanh các đan viện Biển đức tại Tây phương là những báo trước về sự hoà giải của các tạo vật mà con cái Thiên Chúa mang lại hay sao? Cũng như ngược lại, những gì giống như Chernobyl là diễn đạt gây sốc về sự nô lệ của tạo vật trong bóng tối thiếu vắng sự hiện diện của Thiên Chúa hay sao? Máccô kết thúc trình thuật ngắn của mình về cám dỗ với một trích dẫn như ám chỉ đến Thánh vịnh 91:11. "Thiên sứ giữ gìn bạn". Những lời này cũng xảy ra ngay phần cuối trong trình thuật chi tiết của Máttêu về những cám dỗ, và chỉ trong bối cảnh rộng hơn mới có thể hiểu được chúng cách trọn vẹn.

Máttêu và Luca ghi lại ba cám dỗ của Đức Giêsu, phản ánh cuộc chiến nội tâm về sứ mạng đặc biệt của riêng Ngài, đồng thời, cả hai tác giả Tin Mừng cũng xử lý câu hỏi về những vấn đề nào thật sự trong đời sống nhân loại. Như chúng ta nhận ra ở đây, ngay tại tâm điểm của các cám dỗ là hành động đẩy Thiên Chúa qua bên cạnh, vì chúng ta nhận thấy Người như phụ thuộc, nếu không thực sự muốn nói là thừa thãi và phiền hà, khi so sánh với tất cả những vấn đề có vẻ như khẩn cấp hơn tràn ngập cuộc đời chúng ta. Đây là cám dỗ đe dọa chúng ta dưới nhiều hình thức khác nhau khi đặt Thiên Chúa ra bên lề như ảo giác: Xây dựng một thế giới bằng ánh sáng của riêng chúng ta, không quy chiếu về Thiên Chúa, xây dựng trên những nền tảng của riêng chúng ta, và chối từ công nhận thực tại vượt ngoài tầm của chính trị và vật chất.

Sự giả vờ đạo đức là bộ phận khăng khít với cám dỗ. Sự giả vờ đạo đức không mời mọc chúng ta làm điều dữ cách trực tiếp. Không, vì như thế quá lộ liễu. Nó làm bộ chỉ cho chúng ta con đường tốt hơn, cuối cùng, nơi đó chúng ta từ bỏ ảo ảnh của mình và lao mình vào trong công việc thật sự làm cho thế giới này thành một nơi tốt hơn. Hơn thế nữa, sự giả vờ đạo đức này tuyên bố nói về chủ

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: Jesus of Nazareth

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

nghĩa hiện thực thật sự: Những gì có thực, là những gì đang có trước mặt chúng ta: Quyền lực và cơm bánh. Nếu so sánh, những gì thuộc về Thiên Chúa biến dần vào trong vô thực, vào trong thế giới phụ thuộc không ai thật sự cần đến cả.

Thiên Chúa trở thành vấn đề: Có phải chính Người là thực tại hay không phải là thực tại? Người có nhân từ hay không hay chúng ta phải phát minh ra điều tốt lành cho chúng ta? Vấn đề Thiên Chúa là vấn đề nền tảng và vấn đề này đặt chúng ta ngay tại ngã tư thuộc về hiện hữu nhân loại. Đấng Cứu Thế phải làm gì cho thế gian hay không làm gì? Đây là vấn nạn về những cám dỗ của Đức Giêsu. Trong Mátthêu và Luca, cả ba cám dỗ đều giống như nhau nhưng trình tự lại khác nhau. Chúng ta sẽ theo trình tự của Mátthêu vì sự sắp xếp của Mátthêu phản ánh tính logic mạnh dần lên đi từ cám dỗ này đến cám dỗ kia.

Đức Giêsu “ăn chay ròng rã bốn mươi đêm ngày, và sau đó, Người thấy đói” (Mt 4:2). Vào thời của Đức Giêsu, con số bốn mươi có nhiều biểu tượng súc tích đối với Israel. Trước hết, con số bốn mươi gợi nhớ lại bốn mươi năm Israel lang thang trong hoang địa, thời gian mà dân chúng vừa chịu cám dỗ và vừa được hưởng sự thân mật cách đặc biệt với Thiên Chúa. Bốn mươi đêm ngày cũng nhắc cho chúng ta nhớ lại bốn mươi ngày mà Môsê đã ở trên núi Xinaï trước khi ông được vinh dự nhận lãnh lời Chúa, những tấm bia thánh của Giao Ước. Con số này cũng phục vụ để nhắc nhở câu chuyện ngắn về rabbi cho thấy làm thế nào Ápraham đã sống bốn mươi đêm ngày trên con đường đến núi Horeb, nơi đó, ông sát tế con trai mình, làm thế nào trong thời gian này, ông không ăn uống gì cả và chỉ sống bằng sự hiện ra và những lời của thiên sứ hộ tống ông.

Trong khi kéo dẫn con số biểu tượng ra một cách thư giãn, nhẹ nhàng, và có thể chấp nhận được, Các Giáo phụ quan niệm con số bốn mươi như con số vũ trụ, như dấu chỉ toán học cho thế gian này. Bốn “góc” vây quanh toàn thể thế gian, và con số mười là con số các điều răn. Con số vũ trụ nhân lên với con số các điều răn trở thành một nhận định biểu tượng về lịch sử của thế gian này như một tổng thể. Dường như Đức Giêsu đang làm hồi sinh cuộc Xuất hành của Israel, kể đến, làm hồi sinh con đường quanh co lộn xộn của lịch sử nói chung. Bốn mươi ngày chay tịnh ôm lấy bi kịch lịch sử mà Đức Giêsu đã nhận vào cho chính Ngài và mang theo cho đến tận cùng.

“Nếu ông là Con Thiên Chúa, thì truyền cho những hòn đá này hoá bánh đi!” (Mt 4:3). Như thế cám dỗ thứ nhất bắt đầu. “Nếu ông là Con Thiên Chúa”. Chúng ta sẽ nghe lại những lời này từ miệng lưỡi của những người qua đường đang nhạo báng dưới chân Thập giá. “Nếu mi là Con Thiên Chúa, thì xuống khỏi thập giá xem nào!” (Mt 27:40). Sách Khôn ngoan cũng báo trước tình huống này. “Nếu tên công chính là Con Thiên Chúa, hẳn Người sẽ phù hộ và cứu nó” (Kn 2:18). Ở đây, nhạo báng và cám dỗ đan xen vào nhau: Đức Kitô bị thách đố để triển khai tính khả tín của mình bằng cách đưa ra chứng cứ cho những gì Ngài tuyên bố. Việc đòi hỏi chứng cứ luôn là đề tài thường xảy ra trong câu chuyện cuộc đời của Đức Giêsu. Nhiều lần, Ngài bị trách mắng vì đã thất bại trong việc chứng

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: Jesus of Nazareth

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

minh chính mình cách đầy đủ, vì cho đến nay đã thất bại thực hiện phép lạ cao cả để loại trừ tất cả sự mơ hồ và mâu thuẫn, để có thể làm cho mọi người nhận thấy rõ ràng mà không cần tranh luận về Ngài là ai, là gì và không phải là gì.

Xuyên suốt toàn bộ lịch sử, chúng ta cũng đòi hỏi Thiên Chúa, Đức Kitô và Hội thánh của Ngài như thế. Chúng ta nói "Lạy Chúa, nếu như Ngài hiện hữu, như thế, Ngài sẽ phải tỏ mình ra. Ngài sẽ phải đi ra khỏi đám mây che phủ Ngài và ban cho chúng tôi sự rõ ràng mà chúng tôi đáng được. Nếu Ngài, Đức Kitô, thật sự là Con Thiên Chúa, chứ không phải là một đấng khác như những cá nhân đã giác ngộ tiếp tục xuất hiện trong lịch sử, như thế, Ngài sẽ phải chứng minh cách rõ ràng hơn những gì Ngài đang thực hiện bây giờ. Và nếu Hội thánh thực sự thuộc về Ngài, Ngài sẽ phải làm cho Hội thánh hiện diện cách hiển nhiên hơn".

Chúng ta sẽ trở lại điểm này trong nối kết với cảm dỗ thứ hai, đúng thế, đó là vấn đề trọng điểm. Trong cảm dỗ thứ nhất, kẻ cám dỗ đề xuất chứng cứ về thần tính, bao gồm việc biến đá trong hoang địa thành bánh. Trước tiên, đây là vấn nạn về cơn đói của riêng Đức Giêsu, như cách thức Luca nhận ra điều này. "Truyền cho hòn đá này hoá bánh đi" (Lc 4:3). Tuy nhiên, Máttêu hiểu cơn cám dỗ cách bao quát hơn, như về sau Đức Giêsu đối diện với cám dỗ này trong suốt cuộc đời trần thế của Ngài và như thế, xuyên suốt tất cả lịch sử.

Có gì bi thảm hơn, có gì đối lập hơn với niềm tin vào hiện hữu của một Thiên Chúa nhân từ và một Đấng Cứu Thế nan loại, hơn là sự nghèo đói của thế giới? Đó không phải là thử thách đầu tiên cho Đấng Cứu Thế, trước cái nhìn chăm chú của thế gian và đại diện cho thế gian, ban cơm bánh cho thế gian và chấm dứt nghèo đói hay sao? Suốt thời gian lang thang của họ trong hoang địa, Thiên Chúa đã nuôi dân Israel bằng cách từ trời, với manna. Hình như điều này cho thấy một đặc ân được thoáng nhìn về sự vật như thế nào khi Đấng Messiah đến: Đấng Cứu Thế đã không, hay không phải chứng minh tính khả tín của mình bằng cách nuôi mọi người hay sao? Vấn đề nuôi nấng thế gian, và nói chung, không phải là các vấn đề xã hội, chẳng phải là tiêu chuẩn thật và cơ bản mà sự cứu thế phải được lượng định hay sao? Người nào không đạt tới chuẩn này có được gọi là đấng cứu thế hay không? Rất dễ hiểu, chủ nghĩa Mátxít dung chính điểm này như lời hứa cứu rỗi của mình: Chủ nghĩa này cho thấy rằng không còn ai đói khát nữa và "hoang địa sẽ trở thành cơm bánh".

"Nếu ông là Con Thiên Chúa": Đúng là một thách đố! Và chúng ta đã chẳng nói nói như thế với Hội thánh hay sao? Nếu bạn tuyên bố là Hội thánh của Chúa, như thế, bạn hãy bắt đầu đảm bảo cơm bánh cho thế gian, phần còn lại sẽ đến sau. Rất khó để trả lời về thách đố này, cách chính xác, vì tiếng khóc của kẻ đói đã thấm thấu quá sâu vào trong tai và vào trong linh hồn, như phải là thế. Không thể nào hiểu được câu trả lời của Đức Giêsu chỉ dưới ánh sáng của câu chuyện cám dỗ. Chủ đề cơm bánh đi vào toàn thể Tin Mừng và phải nhìn vào tận trong chiều sâu của Tin Mừng.

Có hai trình thuật quan trọng khác liên quan đến cơm bánh trong cuộc đời Đức

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: Jesus of Nazareth

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

Giêsu. Trình thuật đầu tiên là việc hoá bánh ra nhiều cho hàng ngàn người đi theo Chúa khi Ngài lánh đến một chỗ hoang vắng. Giờ đây, tại sao Đức Kitô mới thực hiện chính việc mà trước đó Ngài đã từ chối như một cám dỗ? Đám đông đã từ bỏ tất cả để đến nghe lời của Chúa. Họ là những người đã mở trái tim cho Chúa và cho nhau. Vì thế, họ sẵn sàng nhận bánh với ý hướng đúng đắn. Như thế, phép lạ hoá bánh ra nhiều gồm có ba chiều kích: Việc tìm kiếm Chúa, lời nói và giảng dạy của Ngài đi trước, đặt toàn thể cuộc đời trong con đường ngay chính. Hơn thế nữa, Thiên Chúa được yêu cầu cung cấp cơm bánh. Cuối cùng, việc sẵn sàng chia sẻ với nhau là yếu tố quan trọng của phép lạ. Lắng nghe Chúa trở thành sống với Chúa, và dẫn đưa từ đức tin tới tình yêu, tới việc khám phá ra tha nhân. Đức Giêsu không thờ ơ trước đói khát của con người, trước nhu cầu thân xác của họ, nhưng Ngài đặt những điều này trong bối cảnh và trật tự đúng đắn.

Vì thế, trình thuật thứ hai liên quan đến bánh hương về phía trước và sửa soạn cho trình thuật thứ ba: Bữa Tiệc ly đã trở thành Thánh Thể của Hội thánh và phép lạ hoá bánh vĩnh viễn của Đức Giêsu. Chính Đức Giêsu đã trở nên hạt lúa mì đã chết và sinh ra nhiều hoa trái (x. Ga 12:24). Chính Ngài đã trở nên bánh cho chúng ta, và việc hoá bánh ra nhiều này kéo dài cho đến thời thế mạt, mà không bao giờ bị tiêu tan. Ý nghĩa này cho chúng ta hậu cảnh cần thiết nếu chúng ta muốn hiểu ý nghĩa việc Đức Giêsu trích dẫn Cựu Ước để khước từ kẻ cám dỗ. "Người ta sống không chỉ nhờ cơm bánh... nhờ mọi lời miệng Đức Chúa phán ra" (Đnl 8:3). Alfred Delp, người Đức dòng Tên, đã bị Nazis tử hình, có lần đã viết "Cơm bánh quan trọng, tự do còn quan trọng hơn, nhưng quan trọng nhất vẫn là sự trung thành cách trọn vẹn và thờ phượng cách trung thành".

Khi nào trật tự về của cải không còn được tôn trọng nữa, nhưng bị đảo lộn, kết quả không còn là công bình hay quan tâm đến nỗi đau khổ của nhân loại. Đúng hơn, kết quả là hư nát và tàn phá chính của cái vật chất. Khi Thiên Chúa bị xem như vấn đề thứ yếu, có thể đặt ra bên lề cách tạm thời hay vĩnh viễn vì những chuyện quan trọng hơn, cách chính xác, những gì tưởng là quan trọng hơn lại trở thành hư không. Điều này không chỉ là hậu quả tiêu cực mà cuộc thí nghiệm Mátxít đã chứng minh như vậy.

Viện trợ của Tây phương cho các quốc gia đang phát triển chỉ thuần túy dựa trên kỹ thuật và vật chất, không chỉ để Thiên Chúa ra khỏi bức hình này, nhưng còn xua đuổi con người ra khỏi Thiên Chúa. Và viện trợ này hãnh diện tuyên bố là "biết hơn", thì chính mình trở thành việc biến "thế giới thứ ba" thành những gì mà ngày nay chúng ta muốn nói tới qua thuật ngữ này. Việc giúp đỡ này đã xô đẩy những cấu trúc đạo đức và xã hội của bản xứ ra bên lề và lấp đầy khoảng trống bằng tư duy kỹ thuật. Tư tưởng cho là chúng ta có thể biến đá thành cơm bánh. Thay vào đó, sự "viện trợ" của chúng ta chỉ cho hòn đá thay vì cơm bánh. Vấn đề là sự ưu việt của Thiên Chúa. Vấn đề là sự công nhận rằng Người là một thực tại, Người là thực tại mà nếu không có thực tại này, không gì có thể là tốt lành. Lịch sử không thể tách rời khỏi Thiên Chúa và rồi, chảy đi cách êm ả trên những tuyến đơn thuần vật chất. Nếu trái tim con người không tốt lành, không

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: Jesus of Nazareth

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

có gì có thể trở nên tốt lành. Và sự tốt lành của trái tim con người chỉ có thể đến từ Đấng Tốt Lành, chính Người là Sự Thiện.

Dĩ nhiên, con người có thể đặt vấn đề tại sao Thiên Chúa không dựng nên một thế giới mà trong thế giới này, hiện diện của Người trở thành hiển nhiên? Tại sao Đức Kitô không để lại một dấu chỉ nào khác cho thế giới thấy sự hiện diện của Ngài thật rực rỡ đến nỗi không ai có thể cưỡng lại? Đây là mầu nhiệm Thiên Chúa và con người, mà chúng ta thấy thật quá bí nhiệm. Chúng ta sống trong thế giới này, nơi Thiên Chúa không tỏ lộ như vật chất hữu hình, nhưng chỉ có thể tìm kiếm và nhận ra, khi trái tim bắt đầu lên đường “xuất hành” khỏi “Ai cập”. Chỉ trong thế giới này mà chúng ta buộc phải từ chối những ảo tưởng của các nền triết học giả tạo và nhận ra rằng, chúng ta không sống bởi bánh mà thôi, nhưng trước hết và trên hết mọi sự, bởi việc tuân phục Lời Chúa. Chỉ khi nào thực hành việc tuân phục này, thái độ triển khai để có thể cung cấp cơm bánh cho tất cả.

Chúng ta hãy đi tiếp đến cám dỗ thứ hai của Đức Giêsu. Trong nhiều cách thức, để rút ra những bài học cho chúng ta trong ba cám dỗ, cám dỗ này khó hiểu nhất. Cám dỗ thứ hai phải được chú giải như một cái nhìn. Một lần nữa, cái nhìn này đại diện cho điều gì có thực, điều gì dẫn tới sự hăm dọa đến con người Đức Giêsu và sứ mạng của Ngài cách đặc biệt. Chi tiết đầu tiên đập vào mắt là ma quỷ trích Sách thánh để dụ Đức Giêsu vào bẫy của nó. Ma quỷ trích Thánh vịnh 91:11 nói về việc Thiên Chúa bảo vệ những ai tin tưởng vào Người. “Bởi chưng Người truyền cho Thiên Sứ giữ gìn bạn trên khắp nẻo đường, và Thiên Sứ sẽ tay đỡ tay nâng cho bạn khỏi vấp chân vào đá”. Những lời này có một ý nghĩa quan trọng bởi vì những lời này được phát biểu trong thành thánh và trong nơi thánh. Đúng thế, thánh vịnh được trích dẫn chỗ này nối kết với Đền thờ. Cầu nguyện là niềm hy vọng được bảo vệ trong Đền thờ, bởi chưng, nơi Thiên Chúa ngự trị mang ý nghĩa là nơi đặc biệt được Chúa bảo vệ. Có nơi nào mà khi tin vào Thiên Chúa, con người cảm thấy an toàn hơn những khu vực thiêng liêng trong Đền thờ? (Gnilka đưa ra nhiều chi tiết trong *Matthäusevangelium*, I, tr. 88). Ma quỷ chứng minh rằng nó là nhà chuyên môn về Sách thánh nên có thể trích dẫn Thánh vịnh cách chính xác. Toàn thể cuộc đối thoại trong cám dỗ thứ hai xảy ra dưới hình thức cuộc tranh luận giữa hai đọc giả Kinh thánh. Khi bình luận đoạn này, Joachim Gnilka nói rằng ở đây, ma quỷ tự giới thiệu nó như một thần học gia. Nhà văn Liên Xô Vladimir Soloviev đã dùng chủ đề này trong truyện ngắn “Kẻ Phản Kitô”. Kẻ Phản Kitô nhận học vị tiến sĩ thần học tại đại học Tübingen và còn là một học giả Kinh thánh tầm cỡ. Bức chân dung Kẻ Phản Kitô của Soloviev diễn tả cách mạnh mẽ sự nghi ngờ của ông về một số giải thích Sách thánh hiện có. Đây không phải là sự chối từ việc giải thích Sách thánh cách uyên bác, nhưng là sự đón chào cách trân trọng và lời cảnh báo cần thiết chống lại những lầm lạc có thể xảy ra. Cách chú giải Sách thánh có thể trở thành phương tiện cho Kẻ Phản Kitô. Soloviev không phải là người đầu tiên báo động cho chúng ta điều này. Đây chính là điểm sâu xa trong chính câu chuyện cám dỗ. Những khám phá được vịn vào để giải thích cách uyên bác đã được dùng để liên kết lại thành những cuốn sách kinh hoàng đã tàn phá nhân vật Giêsu và

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

triệt phá đức tin.

Ngày nay, thói quen phổ biến là đánh giá Sách thánh chống lại với quan điểm được gọi là hiện đại. Giáo lý nền tảng của quan điểm hiện đại cho rằng Thiên Chúa không thể hành động trong lịch sử, những gì liên quan đến Thiên Chúa đóng băng lại trong phạm vi của tính chủ quan. Và như thế, Sách thánh không còn nói về Thiên Chúa, Thiên Chúa hằng sống. Không, bây giờ chỉ có *chúng ta* nói về và quyết định Thiên Chúa có thể làm được gì và chúng ta sẽ hay nên làm gì. Với vẻ xuất sắc mang tính bác học, Kê Phán Kitô nói cho chúng ta biết rằng, để có thể lắng nghe Thiên Chúa nói điều gì, bất cứ cách giải thích nào đọc Sách thánh từ quan điểm đức tin vào Thiên Chúa hằng sống, đều là chủ nghĩa bảo thủ. Nó muốn thuyết phục chúng ta rằng chỉ có cách chú giải của *nó*, cách thuần túy khoa học mới có thể theo kịp với thời đại. Trong cách thuần túy khoa học, Thiên Chúa không nói gì cả và không có gì để nói.

Cách chính xác, cuộc tranh luận thần học giữa Đức Giêsu và ma quỷ là cuộc tranh luận về cách chú giải Sách thánh, và cuộc tranh luận này thích hợp trong mọi giai đoạn lịch sử. Vấn đề giải thích học nằm ngay tại nền tảng của việc chú giải Sách thánh cách đúng đắn là điều này: Chúng ta đang làm việc với hình ảnh nào của Thiên Chúa? Cuối cùng, cuộc bàn cãi về cách giải thích trở thành cuộc bàn cãi về Thiên Chúa là ai. Nhưng trong thực tế, cuộc xung đột về hình ảnh Thiên Chúa nhấn mạnh đến cuộc tranh luận về cách giải thích Sách thánh giá trị, được hình ảnh mà chúng ta hình thành về Đức Kitô quyết định: Có phải Ngài, Đấng vẫn không có quyền lực thế gian, thực sự là người Con Thiên Chúa hằng sống hay không?

Vì thế, vấn nạn cấu trúc liên quan đến cuộc tranh luận ẩn tượng về Sách thánh giữa Đức Kitô và kẻ cám dỗ dẫn trực tiếp đến vấn nạn về nội dung cuộc tranh luận. Cuộc tranh luận này về vấn đề gì? Vấn đề đang bị đe dọa trong cám dỗ thứ hai được tóm tắt lại dưới chủ đề "cơm bánh và gánh xiếc". Tư tưởng cho rằng sau khi cung cấp cơm bánh, màn trình diễn cũng được ban cho. Rõ ràng, chỉ có hài lòng về thân xác không đủ cho con người, vì thế cách giải thích này tiếp tục, những ai từ chối không để cho Thiên Chúa làm bất cứ chuyện gì với thế gian và với con người, buộc phải cung cấp tác dụng kích thích và cảm xúc để thay thế nỗi sợ hãi tôn giáo và đuổi nỗi sợ này đi chỗ khác. Nhưng điều này không thể nào là điểm nhấn của đoạn này, vì hiển nhiên, sự cám dỗ không bao gồm bất cứ khán giả nào cả.

Điểm nhấn đang tranh cãi được tỏ lộ trong câu trả lời của Đức Giêsu, cũng được trích từ Đệ Nhị luật. "Người chớ thử thách Đức Chúa là Thiên Chúa của người" (Đnl 6:16). Đoạn văn Đệ Nhị luật này ám chỉ đến câu chuyện làm thế nào dân Israel hầu như chết khát trong hoang địa. Israel chống lại Môsê, và khi hành động như thế, họ chống lại Thiên Chúa. Thiên Chúa phải chứng minh Người là Thiên Chúa. Sách thánh kể lại sự chống đối Thiên Chúa như sau: "Vì con cái Israel đã gây sự và thử thách Đức Chúa mà rằng 'có Đức Chúa ở giữa chúng ta hay không?'" (Xh 17:7). Như thế, chúng ta đã gặp vấn đề này rồi: Thiên Chúa

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

phải cam chịu sự thử nghiệm. Người phải chịu “kiểm tra” như các sản phẩm được kiểm tra. Người phải phục tùng những điều kiện mà chúng ta cho là cần thiết nếu chúng ta muốn đạt được sự chắc chắn. Nếu bây giờ, Người không bảo vệ chúng ta như Người đã hứa trong Thánh vịnh 91, như thế, Người không phải là Thiên Chúa. Người sẽ phải cho thấy lời của riêng Người và chính Người, cũng sai lầm.

Ở đây, chúng ta đang xử lý vấn đề bao quát như làm sao chúng ta có thể và không thể biết Thiên Chúa, làm sao chúng ta liên hệ với Thiên Chúa và làm sao chúng ta có thể đánh mất Người. Lòng tự kiêu biến Thiên Chúa thành một đối tượng và áp đặt những điều kiện để kiểm nghiệm của chúng ta trên Người không thể làm cho chúng ta tìm ra Người. Vì điều này hàm chứa rằng chúng ta từ chối Thiên Chúa là Thiên Chúa, bằng cách đặt chính chúng ta trên Người, bằng cách loại bỏ toàn bộ chiều kích thuộc về tình yêu, thuộc về việc lắng nghe nội tâm, bằng cách không chấp nhận bất cứ gì là thật, trừ khi chúng ta có thể kiểm tra và nắm bắt qua thí nghiệm. Tư duy như thế có nghĩa là biến chính cá nhân thành Thiên Chúa. Và khi làm như thế là hạ phẩm giá không chỉ Thiên Chúa, nhưng cả thế gian và chính cá nhân nữa.

Cho dù từ cảnh trên đỉnh Đền thờ này, chúng ta có thể nhìn ra và thấy Thập giá. Đức Kitô không nhảy xuống từ đỉnh Đền thờ. Ngài không mạo hiểm lao xuống vực thẳm. Ngài không thử Thiên Chúa. Nhưng Ngài lại đi xuống vào trong vực thẳm sự chết, vào trong đêm bị ruồng bỏ, và vào trong nỗi u sầu của vô tự vệ. Người mạo hiểm cú nhảy này như là một hành động thuộc về tình yêu của Thiên Chúa cho con người. Cuối cùng, Ngài đã biết rằng khi nhảy qua, Ngài chỉ có thể rơi vào đôi tay nhân từ của Chúa Cha. Điều này làm sáng tỏ ý nghĩa thực sự của Thánh vịnh 91 liên quan đến sự tin tưởng vô bờ bến và tối hậu mà Thánh vịnh nói đến: Nếu bạn đi theo ý Chúa, bạn biết rằng, cho dù tất cả những điều kinh hoàng xảy đến cho bạn, bạn sẽ không bao giờ đánh mất nơi trú ngụ cuối cùng. Bạn biết rằng nền tảng của thế giới này là tình yêu, như thế, cả khi không ai có thể hay sẽ giúp bạn, bạn sẽ tiếp tục tin tưởng vào Đấng yêu thương bạn. Nhưng niềm tin và chúng ta nuôi dưỡng dựa trên quyền bính của Sách thánh và vào lời mời gọi của Chúa sống lại, lại là điều hoàn toàn khác với sự thách thức táo bạo với Thiên Chúa, làm cho Thiên Chúa trở nên tội lỗi của chúng ta.

Chúng ta đi đến cám dỗ thứ ba và cuối cùng, đỉnh điểm của toàn thể câu chuyện. Ma quỷ đem Chúa vào trong một cái nhìn trên núi cao. Ma quỷ cho Ngài thấy tất cả các nước thế gian, vinh quang của các nước ấy và hứa cho Ngài quyền thống trị thế gian. Đó chẳng phải là sứ mạng của Đấng Messiah hay sao? Ngài không cho rằng Ngài là vua của thế gian để hiệp nhất toàn thể trái đất vào trong một vương quốc vĩ đại của bình an và thiện hảo hay sao? Chúng ta đã thấy cám dỗ biến đá thành bánh có hai bản sao đặc biệt sau này trong câu chuyện của Đức Giêsu: Việc hoá bánh ra nhiều và Bữa Tiệc ly. Cùng một cách thức xảy ra nơi này.

Chúa sống lại tụ họp các môn đệ lại “trên núi” (x. Mt 28:16). Đúng thế, trên

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: Jesus of Nazareth

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

ngọn núi này, Người nói “Thầy đã được trao toàn quyền trên trời dưới đất” (Mt 28:18). Chỗ này có hai chi tiết mới và khác biệt. Chúa có quyền *trên trời* và dưới đất. Chỉ có người nào có toàn thể quyền bính này, mới có sức mạnh cứu rỗi thật. Nếu không có quyền trên trời, quyền bính dưới đất luôn luôn mơ hồ và mỏng manh. Chỉ khi nào quyền lực phục tùng sự giới hạn và phán đoán của trời cao, nói cách khác, của Thiên Chúa, nó mới trở nên sức mạnh cho điều tốt lành. Và chỉ khi nào sức mạnh được Thiên Chúa chúc lành, lúc ấy, có thể tin tưởng vào sức mạnh.

Chỗ này đi vào yếu tố thứ hai: Đức Giêsu có quyền lực này nhờ vào sự Sống lại của Ngài. Nghĩa là, sức mạnh này bao hàm cả Thập giá và cái chết. Sức mạnh này giả định một ngọn núi khác, Gôngôtha, nơi Ngài bị treo trên Thập giá, bị chết, bị dân chúng nhục mạ và bị các môn đệ từ bỏ. Vương quốc của Đức Kitô khác với các vương quốc trần thế và vinh quang của chúng, mà Xatan điều hành trước mặt Ngài. Như từ ngữ *doxa* của Hy Lạp cho thấy, vinh quang này là vẻ ảo ảnh làm lan ra. Đây không phải loại vinh quang thuộc về Vương quốc của Đức Kitô. Vương quốc của Ngài lớn mạnh qua sự khiêm nhường công bố trong những ai đồng ý trở thành môn đệ của Ngài, những ai chịu phép rửa nhân danh Thiên Chúa Ba Ngôi, và những ai giữ điều răn của Ngài (x. Mt 28:19).

Chúng ta hãy quay trở lại cám dỗ thứ ba. Nội dung thật của cám dỗ này trở nên hiển nhiên khi chúng ta nhận ra rằng qua lịch sử, nội dung này luôn nhận lấy những hình thái mới. Vào thời kỳ đầu tiên, đế quốc Kitô đã cố gắng dùng đức tin để hàn gắn sự hiệp nhất chính trị. Giờ đây, Vương quốc của Đức Kitô kỳ vọng mang lấy hình thức nước chính trị với vinh quang của nó. Sự bất lực của đức tin, sự bất lực trần thế của Đức Giêsu Kitô, đã được hỗ trợ bằng sức mạnh chính trị và quân sự. Cám dỗ dùng sức mạnh để bảo đảm đức tin xảy ra nhiều lần qua nhiều hình thức khác nhau trải qua nhiều thế kỷ, và nhiều lần đức tin phải chịu chết ngộp dưới việc ôm lấy sức mạnh. Cuộc đấu tranh cho tự do của Hội thánh, đấu tranh để tránh việc đồng nhất Vương quốc của Đức Giêsu với bất cứ cơ cấu chính trị nào, là cuộc đấu tranh phải chiến đấu từ thế kỷ này qua thế kỷ kia. Vì sự hoà trộn giữa quyền lực đức tin và chính trị luôn đi tới một giá: Đức tin trở thành nô tì cho quyền lực và bị bẻ cong theo tiêu chuẩn của quyền lực.

Chỗ này, một chọn lựa khác đang bị đe dọa xảy ra dưới hình thức bi thảm trong trình thuật Thương khó của Chúa. Ngai tại cao điểm trong phiên tòa Giêsu, Philatô đưa ra cho dân chúng một chọn lựa giữa Đức Giêsu và Baraba. Một trong hai sẽ được tha. Nhưng Baraba là ai? Thông thường, lời của Tin Mừng Gioan hiện ra chỗ này: “Baraba là một tên cướp” (Ga 18:40). Nhưng thuật ngữ “tên cướp” trong tiếng Hy Lạp lại có một nghĩa đặc biệt thuộc phạm vi chính trị, thông dụng vào thời đó tại Palestine. Tên cướp đồng nghĩa với “người đấu đá chống cự”. Baraba đã là phần tử trong cuộc nổi dậy (x. Mc 15:7), và còn hơn thế nữa, trong bối cảnh này, bị lên án là kẻ giết người (x. Lc 23:19, 25). Khi Máttêu ghi nhận Baraba là “tên tù khét tiếng” (Mt 27:16), chứng cứ này cho thấy rằng Baraba là một trong những người đấu đá chống cự nổi tiếng, đúng thế, có thể là

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

người lãnh đạo thật của cuộc nổi dậy đặc biệt này.

Nói cách khác, Baraba là một nhân vật messiah. Sự chọn lựa giữa Đức Giêsu và Baraba thì không ngẫu nhiên. Hai nhân vật messiah, hai hình thức niềm tin messiah đứng đối nghịch nhau. Điều này trở nên rõ hơn khi chúng ta xem xét đến tên riêng Bar-Abbas có nghĩa là "người con của cha". Đây là danh hiệu đặc thù về messiah, tên của nhà lãnh đạo nổi tiếng một giáo phái thuộc phong trào messiah. Cuộc chiến tranh cuối cùng thuộc Do thái messiah do Bar-Kokhba, "người con của ngôi sao", chiến đấu vào năm 132. Hình thức của tên như nhau, và đại diện cho cùng một ý định.

Giáo phụ Origen cung cấp cho chúng ta một chi tiết độc đáo khác. Cho đến thế kỷ thứ ba, nhiều thủ bản của các Tin Mừng đề cập đến người đàn ông đang gây vấn nạn ở đây là "Giêsu Baraba", "Giêsu người con của cha". Ở đây, nhân vật Baraba được coi là một loại cái tội khác của Đức Giêsu, có cùng một tuyên bố, nhưng lời công bố được hiểu theo cách hoàn toàn khác. Vì thế chọn lựa xảy ra giữa một messiah lãnh đạo cuộc chiến đấu bằng vũ trang, hứa hẹn tự do và đất nước cho riêng mình, và với Đức Giêsu bí nhiệm đã công bố rằng đánh mất chính mình là con đường tới sự sống. Có gì đáng ngạc nhiên trong khi đám đông thích Baraba hơn? (Muốn bàn luận điểm này cách đầy đủ hơn, xem cuốn sách quan trọng của Vittorio Messori, *Patì sotto Ponzio Pilato?* Turin, 1992, tr. 52-62).

Ngày nay, nếu chúng ta phải chọn lựa, Đức Giêsu thành Nadarét, con bà Maria, người Con của Cha, có cơ hội nào không? Thật sự, chúng ta biết Đức Giêsu hay không? Chúng ta hiểu Ngài hay không? Có lẽ, ngày nay cũng như muôn đời, chúng ta không nỗ lực để hiểu Ngài? Kẻ cám dỗ không quá thô lỗ khi trực tiếp đề nghị với chúng ta rằng chúng ta nên thờ phượng ma quỷ. Nó chỉ đơn thuần đề nghị rằng chúng ta chọn lựa quyết định có lý, chúng ta chọn đưa ra sự ưu tiên cho thế giới có tổ chức và hệ thống, nơi đó, Thiên Chúa chỉ có chỗ đứng như là một quan tâm cá nhân và Người không được xen vào những mục đích quan trọng của chúng ta. Soloviev quy cho Kẻ Phản Kitô trong một cuốn sách có tựa đề. *Con đường mở dẫn đến hoà bình và hạnh phúc cho thế giới*. Cuốn sách này trở thành một cuốn sách thánh mới, trong đó, sứ điệp chính là việc thờ phượng kế hoạch mang tính lý trí và hạnh phúc.

Như thế, cám dỗ thứ ba của Đức Giêsu chứng minh là một cám dỗ cơ bản, bởi vì cám dỗ này liên quan đến câu hỏi con người kỳ vọng loại hành động nào từ Đấng Cứu Thế. Cám dỗ này thẩm thấu vào toàn bộ cuộc đời của Đức Giêsu. Cám dỗ này tự tỏ lộ ngay vào thời điểm quyết định trên hành trình của Ngài. Khi lên tiếng đại diện cho các môn đệ, Phêrô đã tuyên xưng rằng Đức Giêsu là Đức Kitô-Messiah, Con Thiên Chúa hằng sống. Khi công bố điều này, Phêrô đã diễn đạt thành lời đức tin xây dựng Giáo Hội và khai mạc cộng đoàn đức tin mới có nền tảng trên Đức Kitô. Tại thời điểm quan trọng này, kiến thức quyết định và khác biệt này về Đức Giêsu đã tách biệt các môn đệ của Ngài với ý kiến chung và bắt đầu thành lập họ như một gia đình mới của Ngài. Kẻ cám dỗ xuất

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

hiện, đe dọa xoay tất cả theo hướng ngược lại. Ngay lập tức, Chúa tuyên bố rằng phải hiểu khái niệm Messiah trong toàn thể sứ điệp của các Ngôn sứ. Có nghĩa là không phải quyền lực thế gian, nhưng Thập giá, và một cộng đoàn cực kỳ khác biệt đã ra đời qua Thập giá.

Nhưng Phêrô không hiểu như thế: "Phêrô liền kéo riêng Người ra và bắt đầu trách Người. 'Xin Thiên Chúa thương đừng để Thầy gặp phải chuyện ấy!'" (Mt 16:22). Chỉ khi nào chúng ta đọc những lời này ngược lại với phong cảnh cảm dỗ, như nó diễn lại vào thời điểm quyết định, lúc ấy chúng ta mới hiểu câu trả lời khó tin và cứng cõi của Đức Giêsu. "Xatan lui lại đằng sau Thầy! Anh cản lối Thầy, vì tư tưởng của anh không phải là tư tưởng của Thiên Chúa, mà là của loài người" (Mt 16:23).

Nhưng không phải tất cả chúng ta lập đi lập lại với Đức Giêsu rằng sứ điệp của Ngài dẫn đến xung đột với những ý kiến đang thịnh hành, vì thế, luôn luôn có sự đe dọa thoáng hiện về thất bại, đau khổ và bách hại hay sao? Để quốc Kitô hay quyền lực trần thế của giáo triều, ngày nay không còn là một cám dỗ nữa, nhưng cách giải thích Kitô giáo như là một công thức để tiến triển và công bố sự thịnh vượng phổ quát như là mục đích của tất cả tôn giáo, bao gồm cả Kitô giáo, đây là hình thức hiện đại của cùng một cám dỗ. Cám dỗ này xuất hiện dưới chiêu bài của câu hỏi: "Đức Giêsu đem tới cái gì, kể đến, nếu như Ngài không dẫn chúng ta vào một thế giới tốt hơn? Làm sao điều này không thể là nội dung của niềm hy vọng messiah?"

Trong Cựu Ước, hai bộ phận của niềm hy vọng này vẫn còn xoắn lại với nhau bất phân biệt. Bộ phận thứ nhất là lòng mong chờ một thiên đàng trần thế, trong đó, sói nằm với chiên (x. Is 11:6), dân chúng thế gian đi đến núi Xion và lời tiên báo "Họ sẽ đúc gươm đao thành cuốc thành cây, rèn giáo mác nên liềm nên hái" (Is 2:4; Mk 4:1-3). Tuy nhiên, bên cạnh lòng mong chờ này là viễn cảnh người tội đau khổ của Thiên Chúa, Đấng Messiah đem lại sự cứu rỗi qua sự khinh rẻ và đau khổ. Qua mục vụ công khai và lập lại trong bài giảng của Ngài sau Phục sinh, Đức Giêsu đã cho các môn đệ thấy rằng Môsê và các Ngôn sứ đã nói về Ngài, Đấng dường như bất lực, đau khổ, chịu đóng đinh và sống lại. Ngài đã cho thấy, trong con đường này, và không phải con đường nào khác, những lời hứa được hoàn tất. "Các anh chẳng hiểu gì cả! Lòng trí các anh thật là chậm tin vào lời các ngôn sứ!" (Lc 24:25). Đó là những gì Chúa đã nói với các môn đệ trên đường Emmau và Người đã phải nói với chúng ta như thế qua nhiều thế kỷ, vì chúng ta cũng luôn giả định rằng để làm tốt lời công bố của Ngài là Đấng Messiah, Ngài phải được dẫn vào trong thời hoàng kim.

Tuy nhiên, Đức Giêsu lập lại cho chúng ta những gì Ngài đã nói để trả lời cho Xatan, những gì Ngài đã nói với Phêrô, và những gì Ngài đã giải thích xa hơn cho các môn đệ làng Emmau: Không có vương quốc thế gian nào là Vương quốc Thiên Chúa, điều kiện toàn thể cho sự cứu rỗi nhân loại. Những nước trần thế vẫn là những nước trần gian thuộc về con người, và bất cứ ai tuyên bố có thể thiết lập một thế giới tuyệt đối là quyết tâm lừa bịp của Xatan và làm thế giới

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: Jesus of Nazareth

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

này có lợi cho đôi tay của nó.

Bây giờ thật sự dẫn đến câu hỏi quan trọng sẽ ở lại với chúng ta qua toàn thể cuốn sách: Đức Giêsu thật sự mang lại điều gì, nếu không phải là hòa bình thế gian, sự phồn vinh phổ quát, và một thế giới tốt hơn? Ngài đã đem lại điều gì?

Câu trả lời rất đơn giản: Thiên Chúa. Ngài đã mang lại Thiên Chúa. Ngài đã mang Thiên Chúa đến, Đấng từ từ hé mở khuôn mặt mình ra, trước hết cho Ápraham, kể đến cho Môsê và các Ngôn sứ, và kể đó trong văn chương Khôn ngoan. Một Thiên Chúa chỉ mạc khải khuôn mặt của mình cho Israel, cho dù Người cũng được người ngoại giáo kính thờ trong nhiều dáng vẻ mờ ảo. Chính vị Chúa này, Thiên Chúa của Ápraham, Isaac và Giacóp, Thiên Chúa thật, Đấng mà Đức Giêsu đã mang đến cho các nước trên trái đất này.

Ngài đã mang Thiên Chúa đến, và giờ đây, chúng ta biết bộ mặt của Người, giờ đây, chúng ta có thể gọi đến Người. Giờ đây, chúng ta, con người biết được con đường mà chúng ta phải chọn trong thế gian này. Đức Giêsu đã mang Chúa đến và với Chúa, là chân lý về nguồn gốc và cùng đích của chúng ta: Đức tin, hy vọng và tình yêu. Chỉ vì trái tim chúng ta quá sơ cứng đến nỗi chúng ta nghĩ rằng chuyện này quá bé nhỏ. Vâng, đúng thế, quyền lực của Thiên Chúa hoạt động cách âm thầm trong thế gian này, nhưng đây là sức mạnh thật và bền vững. Lại nữa, nguyên nhân Thiên Chúa dường như nằm trong những sự giãy chết. Nhưng trở đi trở lại, nguyên nhân Thiên Chúa chứng minh là điều thật sự chịu đựng và cứu rỗi. Các nước trên thế mà Xatan có thể đựat ra trước mặt Đức Chúa vào thời đó, đã đi qua rồi. Vinh quang của chúng, *doxa* của chúng, đã chứng minh chỉ là vẻ bên ngoài. Nhưng vinh quang của Đức Kitô, Đấng khiêm nhường, vinh quang tự hy sinh vì tình yêu của Ngài đã không đi qua, hay sẽ không bao giờ qua đi.

Đức Giêsu đã xuất hiện cách chiến thắng trong cuộc chiến với Xatan. Đối với sự thánh hóa đối trá về quyền lực và phồn vinh của kẻ cám dỗ, đối với lời hứa đối trá của nó về tương lai sẽ ban cho tất cả mọi người quyền lực và của cải, Ngài trả lời bằng sự kiện Thiên Chúa là Thiên Chúa, Thiên Chúa là sự Thiện chân thật của con người. Đối với lời mời gọi thờ phượng quyền lực, Chúa trả lời bằng cách trích dẫn Đệ Nhị luật, cùng một cuốn sách mà chính ma quỷ đã trích dẫn. "Người phải bái lạy Đức Chúa là Thiên Chúa của người, và phải thờ phượng một mình Người mà thôi" (Mt 4:10; x. Đnl 6:13). Điều răn cơ bản của Israel cũng là điều răn cơ bản của người Kitô hữu: Phải thờ phượng một mình Thiên Chúa mà thôi. Khi chúng ta nghiên cứu tới Bài giảng Trên núi, chúng ta sẽ thấy rằng cách chính xác, lời Xin Vâng vô điều kiện này đối với phiến đá đầu tiên trong Mười Điều răn cũng bao gồm luôn cả tiếng Xin Vâng đối với phiến đá thứ hai, kính trọng con người, yêu thương đồng loại. Cũng như Máccô, Máttêu kết luận trình thuật cám dỗ với lời nhận định "Các sứ thần tiến đến hầu hạ Người" (Mt 4:11; Mc 1:13). Bây giờ, Thánh vịnh 91:11 hoàn tất: Các sứ thần hầu hạ Ngài, Ngài tự chứng minh là người Con, vì thế, trời mở ra trên Ngài, Giacóp mới, vị Tổ phụ của Israel được phổ quát hóa (x. Ga 1:51; St 28:12).

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: Jesus of Nazareth

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

CHƯƠNG III : TIN MỪNG VỀ TRIỀU ĐẠI THIÊN CHÚA

“Sau khi ông Gioan bị nộp, Đức Giêsu đến miền Galilê rao giảng Tin Mừng của Thiên Chúa. Người nói: “Thời kỳ đã mãn, và Triều Đại Thiên Chúa đã đến gần. Anh em hãy sám hối và tin vào Tin Mừng” (Mc 1:14-15). Với những lời này, Tác giả Phúc Âm Máccô diễn tả việc khởi đầu hoạt động công khai của Đức Giêsu, và đồng thời nêu rõ nội dung chính trong việc rao giảng của Ngài. Mátthêu cũng tóm tắt hoạt động của Đức Giêsu tại Galilê trong cùng một thuật ngữ. “Và Đức Giêsu đi khắp miền Galilê, giảng dạy trong các hội đường, rao giảng Tin Mừng Nước Trời và chữa hết mọi kẻ bệnh hoạn tật nguyền trong dân” (Mt 4:23). Cả hai tác giả Phúc Âm đều dùng thuật ngữ Hy Lạp *evangelion* để nói về giảng dạy của Đức Giêsu. Nhưng thật ra, thuật ngữ này có nghĩa gì?

Thuật ngữ này được dịch ra là “những tin vui”. Âm thanh nghe rất lôi cuốn, nhưng lại không lột tả hết cấp độ quan trọng nói lên ý nghĩa thật sự của thuật ngữ *evangelion* là gì. Thuật ngữ này có chỗ đứng trong kho từ vựng của các hoàng đế La mã. Họ tự nhận họ là vua chúa, đấng cứu nhân độ thế, và đấng cứu độ thế gian. Trong tiếng La tinh, những sứ điệp mà các hoàng đế ban hành ra được gọi là *evangelium*, bất kể đến việc nội dung trong các sứ điệp này có đem lại sự phấn khởi và vui vẻ hay không. Tư tưởng muốn đề cập đến là, những gì xuất phát từ hoàng đế trở thành sứ điệp cứu độ, chứ không chỉ là một mảng tin tức, nhưng là một thay đổi làm cho thế giới này trở nên tốt hơn.

Khi các Tác giả Phúc Âm mượn lại thuật ngữ này, và qua cách này, thuật ngữ này trở thành tên chung cho những tác phẩm của họ. Các Tác giả Phúc Âm muốn nói với chúng ta là: Những gì mà các hoàng đế, những người có tham vọng làm chúa, tuyên bố cách bất hợp pháp, lại thật sự đang xảy ra nơi đây, một sứ điệp được phú ban với quyền bính trọn vẹn, một sứ điệp không chỉ là lời nói, nhưng còn là thực tại. Trong ngôn ngữ của học thuyết ngôn ngữ hiện nay, chúng ta nên nói rằng *evangelium*, Tin Mừng, không chỉ là bài diễn văn thông tin, nhưng là bài diễn văn để thi hành, không chỉ truyền đạt thông tin, nhưng hành động, sức mạnh có hiệu lực đi vào trong thế giới để cứu rỗi và biến đổi thế giới. Máccô nói về “Tin Mừng của Thiên Chúa”, điểm nhấn cho thấy rằng không phải các hoàng đế có thể cứu thế gian, nhưng chính Thiên Chúa. Và nơi đây, lời Chúa xuất hiện cùng một lúc, vừa là lời và vừa là hành động. Và cũng chính tại nơi đây, những gì các hoàng đế chỉ khẳng định, nhưng không thể thực hiện được, lại thật sự xảy ra. Chỉ nơi đây, Chúa thật của thế gian, Thiên Chúa hằng sống, đi vào hành động.

Nội dung trọng điểm của Tin mừng là: Triều đại Thiên Chúa ở gần ngay bên. Dấu ấn lịch sử được đặt vào trong dòng chảy thời gian. Một điều gì mới đang xảy ra. Và lời đáp trả về ân huệ này đòi hỏi con người: Hoán cải và đức tin. Trọng điểm của lời công bố này là sứ điệp về Triều đại Thiên Chúa ở gần ngay bên. Lời công bố này là tâm điểm thật của lời và hành động của Đức Giêsu. Một quan sát về thống kê làm nổi bật điểm này. Cụm từ “Triều đại Thiên Chúa” xuất hiện 122 lần trong toàn bộ Tân Ước. 99 lần trong Tin Mừng Nhất Lãm, và

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

trong 99 lần này, 90 lần ghi lại lời của Đức Giêsu. Trong Tin Mừng Gioan và phần còn lại của các bản văn Tân Ước, thuật ngữ này chỉ đóng vai trò khiêm tốn. Người ta có thể nói rằng trực giảng dạy của Đức Giêsu trước Phục sinh là Triều đại Thiên Chúa, còn sau Phục sinh, Kitô học là tâm điểm trong lời giảng dạy của các Tông đồ.

Như thế, phải chăng điều này có nghĩa là đã có sự xa rời với giảng dạy thật sự của Đức Giêsu? Phải chăng nhà chú giải Rudolf Bultmann đúng khi ông cho rằng, thật ra Đức Giêsu lịch sử không phải là một phần của nền thần học Tân Ước, nhưng chủ yếu phải quan niệm Ngài như một thầy dạy Do thái? Cách chắc chắn, cho dù được xem là giả định trọng tâm đối với Tân Ước, phải chăng vị thầy dạy Do thái này không được xem như một phần của chính Tân Ước?

Một biến thể khác thuộc về hồ sơ được vịn vào giữa Đức Giêsu và giảng dạy của các Tông đồ xuất hiện trong câu nói khá nổi tiếng của học giả Công giáo hiện đại Alfred Loisy. Ông nói rằng: Đức Giêsu đã giảng dạy Triều đại Thiên Chúa, nhưng những gì đã xảy ra lại là Hội thánh. Những lời này có thể được xem như châm biếm, nhưng chúng cũng diễn đạt sự đau buồn. Thay vì lòng mong chờ sâu xa về Triều đại riêng của Thiên Chúa, về một thế giới mới được chính Thiên Chúa biến đổi, chúng ta đã nhận được một điều rất khác, và than ôi, đó là một thay thế lâm ly: Hội thánh.

Có đúng như thế không? Phải chăng hình thức Kitô giáo đã thành hình qua lời giảng dạy của các Tông đồ, và trong Hội thánh được xây dựng trên giảng dạy này, thật sự chỉ là một hình thức lao đầu vô tường vì sự mong chờ vô vọng vào trong một điều gì khác phải không? Có phải sự thay thế chủ đề từ "Triều đại Thiên Chúa" đến Đức Kitô (và cũng đến nguồn gốc Hội thánh) thật ra chỉ là lời hứa bị sụp đổ và nảy sinh một điều gì khác trong chỗ này phải không?

Tất cả hệ tại vào cách chúng ta hiểu diễn đạt "Triều đại Thiên Chúa" mà Đức Giêsu đã dùng, hệ tại vào loại tương quan hiện hữu giữa nội dung lời công bố và con người của Ngài, xét như người công bố. Phải chăng Ngài chỉ là một sứ giả có nhiệm vụ trình bày một nguyên nhân hoàn toàn độc lập với Ngài hay không? Hay chính sứ giả là sứ điệp? Vấn nạn về Hội thánh không phải là vấn nạn chính yếu. Thật ra, vấn đề cơ bản là tương quan giữa Triều đại Thiên Chúa và Đức Kitô. Hiểu biết của chúng ta về Hội thánh sẽ lệ thuộc vào nền tảng này.

Trước khi chúng ta đào sâu vào lời nói của Đức Giêsu để hiểu sứ điệp của Ngài, hành động và sự đau khổ của Ngài, thật hữu ích nếu chúng ta lược sơ qua thuật ngữ "Triều đại" được hiểu như thế nào trong lịch sử Hội thánh. Chúng ta có thể xác định ba chiều kích đã được các Giáo phụ giải thích về thuật ngữ chỉ đạo này.

Chiều kích đầu tiên là chiều kích Kitô học. Đặt cơ sở trên việc đọc lời của Đức Giêsu, Origen gọi Đức Giêsu là *autobasileia*, nghĩa là Triều đại trong con người. Chính Đức Giêsu là Triều đại. Triều đại không phải là một sự vật, không phải là phạm vi địa dư như các triều đại trần gian. Triều đại là con người. Triều đại là

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

Ngài. Dựa theo cách chú giải này, thuật ngữ “Triều đại Thiên Chúa” chính là Kitô học ẩn mặt. Qua cách mà Origen nói về Triều đại Thiên Chúa, Đức Giêsu đưa dẫn con người nhận ra sự kiện vượt trội, đó là trong Ngài, chính Thiên Chúa đang hiện diện giữa họ. Đức Giêsu là hiện diện của Thiên Chúa.

Cách nhìn thứ hai về ý nghĩa của “Triều đại Thiên Chúa” mà chúng ta có thể gọi là cách chú giải duy tâm hay mầu nhiệm. Cách nhìn này quan niệm nội tâm của con người như là trọng điểm của Triều đại Thiên Chúa. Cách tiếp cận để hiểu về Triều đại Thiên Chúa này cũng được Origen khai mở. Trong luận thuyết *Về Cầu Nguyện*, Origen nói rằng “những ai cầu nguyện cho Triều đại Thiên Chúa đến, họ cầu nguyện về Triều đại Thiên Chúa hiện diện trong chính họ cách chắc chắn, họ cầu nguyện rằng Triều đại này sẽ sinh hoa quả và đạt tới sự trọn vẹn. Vì trong từng con người thánh thiện, chính Thiên Chúa ngự trị (thực hiện sự thống trị, là Triều đại Thiên Chúa)... Vì thế, nếu chúng ta muốn Thiên Chúa ngự trị trong chúng ta (Triều đại Thiên Chúa ngự trong chúng ta), như thế, không được cho tội lỗi ngự trị trong thân xác hư nát của chúng ta dưới bất cứ hình thức nào (Rm 6:12). ... Như thế, hãy để cho Thiên Chúa dạo chơi trong chúng ta như trong thiên đàng thiêng liêng (St 3:8) và một mình Người cai trị trong chúng ta với Đức Kitô của Ngài” (*Patrologia Graeca* II, tr. 495). Tư tưởng cơ bản này khá rõ: Không thể nào tìm thấy Triều đại Thiên Chúa trên bất cứ bản đồ nào cả. Đây không phải là triều đại theo kiểu các triều đại trần gian. Triều đại Thiên Chúa nằm trong hiện hữu nội tại của con người. Triều đại này lớn lên và chiếu tỏa ra bên ngoài từ sự bình an nội tâm.

Chúng ta có thể gọi chiều kích thứ ba để chú giải Triều đại Thiên Chúa là Hội thánh: Triều đại Thiên Chúa và Hội thánh liên quan tới nhau trong những cách khác nhau và nhiều hay ít, đã đem lại sự gần gũi.

Như tôi có thể nhận ra, cách tiếp cận cuối cùng này đang dần dần thống trị lĩnh vực, đặc biệt trong nền thần học Công giáo hiện đại. Chắc hẳn, cách chú giải theo nội tâm con người hay nối kết với Đức Kitô không bao giờ biến mất hoàn toàn. Nhưng nền thần học của thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 có khuynh hướng nói về Hội thánh như Triều đại Thiên Chúa trên trái đất. Hội thánh được xem như sự hiện diện đích thực của Triều đại trong lịch sử. Tuy nhiên, vào thời đó, Phong trào Ánh sáng đã làm loé sáng cuộc cách mạng chú giải trong nền thần học Tin Lành và một trong những kết quả của cuộc cách mạng này là cách hiểu đối mới về sứ điệp của Đức Giêsu liên quan đến Triều đại Thiên Chúa. Tuy nhiên, cách chú giải mới này lập tức đã chia thành nhiều luồng rất khác nhau.

Một trong những luồng này là nền thần học cấp tiến đầu thế kỷ 20. Adolf von Harnack, phát ngôn viên chính của nền thần học này, quan niệm sứ điệp của Đức Giêsu về Triều đại Thiên Chúa như cuộc cách mạng kếp chống lại Do Thái giáo trong thời Đức Giêsu. Trong khi Do Thái giáo nhấn mạnh hoàn toàn vào tập thể, vào dân tuyển chọn, Harnack cho rằng sứ điệp của Đức Giêsu chỉ giới hạn vào cá nhân. Đức Giêsu nói với cá nhân. Ngài nhận ra giá trị vô hạn của cá nhân và dùng đó như nền tảng trong giảng dạy của Ngài. Theo Harnack, phản đề cơ

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

bản thứ hai là: Trong khi phụng tự theo nghi thức (và vì thế, đời sống tư tế) đã chiếm ưu thế trong Do Thái giáo, Đức Giêsu đặt nghi thức qua bên cạnh và hoàn toàn tập trung vào sứ điệp của Ngài về đạo đức. Harnack lý luận rằng Đức Giêsu không quan tâm đến việc thanh tẩy và thánh hóa theo nghi thức, nhưng quan tâm đến linh hồn con người. Hành động đạo đức cá nhân, việc làm tình yêu cá nhân sẽ quyết định việc họ được vào Triều đại hay bị loại ra bên ngoài.

Phản đề giữa nghi thức và đạo đức, giữa cộng đoàn và cá nhân vẫn còn ảnh hưởng khá lâu sau thời của Harnack, và cách chú giải Công giáo đã nhận lấy phản đề này cách rộng rãi từ khoảng năm 1930 trở đi. Cho dù, chính Harnack liên kết phản đề này với trình thuật của ông về những khác biệt giữa ba hình thức Kitô giáo chính: Công giáo Roma, Slavíc Hy Lạp, và Tin Lành Đức. Ông cho rằng hình thức thứ ba là hình thức đã phục hồi lại nguyên trạng sứ điệp của Đức Giêsu. Nhưng ngay trong thế giới của Tin Lành cũng có sự chống đối quyết liệt đối với Harnack. Những người chống đối Harnack nhấn mạnh rằng không phải cá nhân như thế mới đứng dưới lời hứa, nhưng là cộng đoàn, và vì là phần tử của cộng đoàn mà cá nhân đạt được sự cứu rỗi. Những người chống đối vạch ra rằng không phải sự thành đạt đạo đức của cá nhân đáng kể đến, ngược lại, "vượt khỏi tầm đạo đức" và đơn thuần là ân sủng, như trong quan điểm của họ về việc Đức Giêsu ăn uống với những kẻ tội lỗi cho thấy cách rõ rệt (x., ví dụ, K.L. Schomidt, *TDNT*, I, tr. 574 tt).

Thế chiến thứ Nhất kết thúc thời huy hoàng của nền thần học cấp tiến và theo sau đó, bầu khí trí thức đã thay đổi tận căn. Nhưng vẫn còn nhiều rung động trong cuộc cách mạng trước đó xa. Dấu chỉ đầu tiên và rõ rệt cho những gì sẽ xảy ra là cuốn sách của Johannes Weiss xuất hiện năm 1892 dưới tựa đề *Lời công bố của Đức Giêsu về Triều Đại Thiên Chúa*. Những công trình chú giải trước đó của Albert Schweitzer đồng một quan điểm. Giờ đây, quan điểm này công bố rằng sứ điệp của Đức Giêsu mang tính "cánh chung" cách triệt để. Lời công bố của Ngài về Triều đại Thiên Chúa cách nội tại là lời công bố về thời thế nội tại của thế gian, điểm cắt ngang vào trong một thế giới mới, nơi đó, như thuật ngữ *triều đại* gợi lên, Thiên Chúa ngự trị. Vì thế, lý luận cho rằng lời loan báo về Triều đại Thiên Chúa phải được hiểu như ám chỉ cách nghiêm túc đến thời cuối cùng. Cả những văn bản có vẻ đối lập với cách chú giải này cũng bị bóp méo để làm cho thích hợp. Ví dụ, những dụ ngôn về người gieo giống (x. Mc 4:3-9), hạt cải (x. Mc 4:30-32), men trong bột (x. Mt 13:33; Lc 13:20), và hạt giống tự mọc lên (x. Mc 4:26-29). Vấn đề không phải là mọc lên, nhưng Đức Giêsu muốn nói rằng trong khi thế giới của chúng ta nhỏ bé, một điều gì đó khác thường có mặt bùng lên cách bất ngờ trong cảnh tượng này. Rõ ràng, chỗ này lý thuyết chiếm ưu thế vượt qua việc lắng nghe bản văn. Có nhiều cố gắng đã thực hiện để hoán chuyển cái nhìn của Đức Giêsu về thời cuối cùng nội tại vào trong ngôn ngữ của đời sống Kitô hiện đại, đối với chúng ta, từ lâu điểm này không trí tuệ lắm. Ví dụ, Bultmann đã nỗ lực làm điều này dưới ánh sáng triết học của Martin Heidegger, ông lý luận rằng vấn đề là thái độ hiện sinh của việc "luôn luôn đứng sẵn sàng". Xây dựng trên học thuật của Ernst Bloch, Jurgen Moltmann xây dựng một nền "thần học hy vọng", công bố việc chú giải đức tin như một liên hệ tích

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

cực trong việc định hướng cho tương lai.

Từ đó, việc tái chú giải mang tính trần thế về tư tưởng Triều đại đã đạt được nền tảng đáng kể, đặc biệt, nếu không muốn nói là dành riêng cho nền thần học Công giáo. Cách tái chú giải này đề xuất một quan niệm mới về Kitô giáo, các tôn giáo, và lịch sử nói chung, và cho rằng việc tái tạo hình tôn giáo, và lịch sử nói chung, và cho rằng việc tái tạo hình dáng cách tận căn như thế sẽ giúp cho người ta tái thích hợp với sứ điệp của Đức Giêsu. Cách tái chú giải này công bố rằng, trong thời tiền Công Đồng Vatican II, “quy giáo hội” là quan điểm chiếm ưu thế: Hội thánh đại diện như tâm điểm Kitô giáo. Kế đó, có sự chuyển hướng đến quy Kitô, đến giáo lý nói về Đức Kitô là tâm điểm của tất cả. Nhưng không chỉ Hội thánh mới chia rẽ, vì thế cuộc tranh luận vẫn tiếp tục, bởi chưng Đức Kitô chỉ dành riêng cho những người Kitô. Từ đó, thêm một bước xa hơn từ quy Kitô đến quy Thiên Chúa. Bước này đã đem chúng ta gần lại với cộng đoàn các tôn giáo hơn, nhưng mục đích cuối cùng của chúng ta vẫn tiếp tục vượt qua khỏi chúng ta, vì ngay cả Thiên Chúa cũng có thể là nguyên nhân gây chia rẽ giữa các tôn giáo và giữa các dân tộc.

Chính vì thế, giờ đây chúng ta phải hướng đến “quy triều đại”, nghĩa là hướng đến tâm điểm của Triều đại. Tối thiểu, chúng ta đã được nghe đó là trái tim trong sứ điệp của Đức Giêsu và đó cũng là công thức đúng đắn để trang bị nghị lực tích cực cho nhân loại và dẫn họ hướng đến tương lai của thế giới. Theo cách chú giải này, “Triều đại” chỉ đơn thuần là tên về một thế giới thống trị bởi hòa bình, công lý và bảo tồn tạo vật. Không có nghĩa nào khác hơn nghĩa này. “Triều đại” này là mục đích mà lịch sử phải đạt tới. Mục đích này được coi là nhiệm vụ đích thực của các tôn giáo: Làm việc chung với nhau để “Triều đại” đến. Dĩ nhiên, các tôn giáo hoàn toàn tự do gìn giữ truyền thống của mình và sống theo căn tính riêng của từng tôn giáo, nhưng các tôn giáo phải đem những căn tính khác biệt của mình để cùng mang một nhiệm vụ chung là xây dựng “Triều đại”, một thế giới, nói cách khác, nơi mà hòa bình, công lý và tôn trọng tạo vật là những giá trị chính yếu.

Nghe khá hay. Hình như giống với con đường, mà cuối cùng, giúp cho toàn thế giới thích hợp với sứ điệp của Đức Giêsu, nhưng không đòi hỏi nhà truyền giáo rao giảng cho các tôn giáo khác. Đường như lúc này là thế, sau hết, lời của Đức Giêsu đã đạt được phần nào nội dung thực tế, vì việc thành lập “Triều đại” đã trở thành công việc chung và đang đến gần. Mặc dù, trong nghiên cứu sâu xa hơn, hình như có sự nghi ngờ. Ai có thể nói công lý là gì? Những gì phục vụ cho công lý trong những trường hợp cụ thể là gì? Làm thế nào chúng ta xây dựng hòa bình? Xem xét kỹ hơn nữa, toàn thể dự phòng này chứng minh chỉ là giấc mơ không tưởng mà chẳng có nội dung gì cả, ngoại trừ những dẫn giải ngầm giả định một vài giáo lý mang tính đảng phái như là nội dung mà đòi hỏi tất cả phải chấp nhận.

Nhưng điểm chính bật ra là Thiên Chúa biến mất. Chỉ còn con người là diễn viên duy nhất trên sân khấu. Sự trân trọng “các truyền thống” tôn giáo cho rằng

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: Jesus of Nazareth

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

cách tư duy này chỉ bề ngoài. Sự thật là các truyền thống được xem như có quá nhiều loại tập tục mà người ta phải được phép gìn giữ, dù cuối cùng, những tập tục này không có gì cả. Giờ đây, đức tin và các tôn giáo hướng về các mục đích chính trị. Chỉ các tổ chức thế giới là đáng kể. Những vấn đề tôn giáo chỉ có thể phục vụ mục đích này. Quan điểm đức tin và tôn giáo hậu Kitô rất gần gũi cách phiên toái với cảm dỗ thứ ba của Đức Giêsu.

Như thế, chúng ta hãy trở lại với Tin Mừng, với Đức Giêsu thật. Chúng ta phê bình chính yếu đến tư tưởng không tưởng thế tục về Triều đại vì tư tưởng này đã đẩy Thiên Chúa ra khỏi sân khấu. Không cần đến Thiên Chúa nữa hay Thiên Chúa là điều cực kỳ phiên toái. Nhưng Đức Giêsu đã công bố rằng Triều đại *Thiên Chúa*, không như bất cứ triều đại nào. Chính Mátthêu nói về “Nước Trời”, nhưng thuật ngữ *trời* lại là một diễn đạt thay thế cho thuật ngữ *Thiên Chúa*, mà người Do thái, nhằm đến điều răn thứ hai, tránh né do kính trọng mẫu nhiệm Thiên Chúa. Từ đó, thành ngữ “Nước Trời” không phải là lời tuyên bố một chiều về một điều gì đó “ngoài tầm”: Thành ngữ này nói về Thiên Chúa, Đấng ở trong thế gian này cũng như ngoài thế gian này, Đấng siêu việt thế giới chúng ta cách vô hạn, nhưng cũng hoàn toàn nội tại trong thế giới này.

Còn có một quan sát ngôn ngữ học quan trọng khác: Bên dưới thuật ngữ *malkut* trong tiếng Do thái “là một *nomen actionis* [một từ ngữ hành động] và có nghĩa là, như thuật ngữ *basileia* [Triều đại] của Hy Lạp, chức năng vua chúa, quyền thế tích cực của vua” (Stuhlmacher, *Biblische Theologie*, I, tr. 67). Những gì có nghĩa, không phải là “triều đại” nội tại nhưng chưa được thiết lập, nhưng có nghĩa là quyền tối thượng thật sự của Thiên Chúa trên thế gian đang trở nên một biến cố trong lịch sử theo cách mới.

Chúng ta có thể nói cách đơn giản hơn: Khi Đức Giêsu nói về Triều đại Thiên Chúa, cách đơn giản, Ngài đang loan báo Thiên Chúa và đang loan báo Ngài là Thiên Chúa hằng sống, Đấng có thể hành động cách cụ thể trong thế gian và trong lịch sử và cả đến lúc này, cũng đang hoạt động. Ngài đang nói với chúng ta: “Thiên Chúa hiện hữu” và “Thiên Chúa là Thiên Chúa thật”, nghĩa là, Ngài nắm dòng chảy thế giới trong tay Ngài. Theo nghĩa này, sứ điệp của Đức Giêsu cực kỳ đơn giản và hoàn toàn quy Thiên Chúa. Điều mới mẻ và hoàn toàn đặc biệt về sứ điệp của Ngài là Ngài đang nói với chúng ta: Thiên Chúa đang hành động ngay lúc này. Đây là thời điểm Thiên Chúa tỏ lộ chính Người trong lịch sử như Đức Chúa, như Thiên Chúa hằng sống, theo cách thức vượt khỏi tầm những gì đã thấy trước đó. Vì thế, “Triều đại Thiên Chúa” là cách dịch bất tương xứng. Tốt hơn nên nói về hữu thể-Đức Chúa của Thiên Chúa, vương quyền Người.

Giờ đây, dù chúng ta phải phác họa nội dung “sứ điệp về Triều đại” của Đức Giêsu, cách chính xác hơn dưới ánh sáng bối cảnh lịch sử của nó. Cũng như toàn thể sứ điệp của Đức Giêsu, lời loan báo về quyền thống trị của Thiên Chúa được tìm thấy trong Cựu Ước. Trong chuyển động lũy tiến từ khởi đầu với Ápraham xuống đến thời của Ngài, Ngài đã đọc Cựu Ước như một toàn thể. Cách chính xác, khi chúng ta hiểu được chuyển động này như một toàn thể, chúng ta thấy

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

chuyển động này trực tiếp dẫn đến chính Đức Giêsu.

Trước hết, những Thánh vịnh được gọi là lên ngôi công bố vương quyền Thiên Chúa (YHWH). Vương quyền được hiểu như sự mở rộng trên toàn thể vũ trụ và vương quyền mà Israel chấp nhận qua việc thờ phượng (x. Tc 47, 93, 96-99). Kể từ khi tai ương viếng thăm lịch sử Israel vào thế kỷ thứ sáu B.C., vương quyền của Thiên Chúa đã trở thành một điểm đặt về niềm hy vọng cho tương lai. Được viết trong thế kỷ thứ hai trước Đức Kitô, sách Đanien nói về uy quyền Thiên Chúa trong hiện tại, nhưng sách Đanien chủ yếu loan báo cho chúng ta niềm hy vọng về tương lai, vì bây giờ nhân vật "con người" trở nên quan trọng, như chính người có trách nhiệm đưa dẫn vào trong uy quyền của Thiên Chúa. Trong Do Thái giáo thời Đức Giêsu, chúng ta gặp khái niệm uy quyền thần linh trong bối cảnh nghi thức Đền thờ tại Giêrusalem và trong phụng vụ hội đường. Chúng ta cũng gặp cùng một khái niệm trong văn chương rabbi và trong các bản văn Qum-ran. Hằng ngày, những người Do thái đạo đức cầu nguyện Shema Israel. "Nghe đây, hỡi Israel! Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, là Đức Chúa duy nhất, Hãy yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em hết lòng hết dạ, hết sức anh em" (Đnl 6:4-5; 11:13; x. Ds 15:37-41). Việc đọc kinh này được hiểu như một hành động đặt trên vai con người cách uy quyền tối cao của Thiên Chúa. Lời cầu nguyện này không chỉ là vấn đề từ ngữ: Người nào cầu nguyện lời kinh này, họ chấp nhận vương quyền Thiên Chúa, kết quả là, qua hành động cầu nguyện, vương quyền Thiên Chúa đi vào trong thế gian. Người đang cầu nguyện giúp mang vương quyền này trên vai của họ, và qua lời kinh của họ, vương quyền Thiên Chúa uốn nắn đường đời của họ, hiện hữu từng ngày của họ, làm cho nó thành một nơi cho Thiên Chúa hiện diện trong thế gian.

Kể đến, chúng ta thấy rằng vương quyền thần linh, sự thống trị của Thiên Chúa trên thế gian và trên lịch sử, siêu việt lúc này, đúng thế, siêu việt và vượt ra khỏi toàn thể lịch sử. Động lực nội tại của vương quyền thần linh mang lịch sử vượt qua khỏi lịch sử. Thế nhưng, đồng thời lại là một điều gì đó tuyệt đối thuộc về hiện tại. Điều này hiện diện trong phụng vụ, trong Đền thờ và trong hội đường, như lời tiên báo về thế giới kế tiếp. Điều này hiện diện như quyền năng hình thành cuộc đời qua lời cầu nguyện và hữu thể của người tín hữu: Bằng cách mang ách của Thiên Chúa, người tín hữu đã nhận được một phần trong thế giới sẽ đến.

Từ lợi điểm này, chúng ta có thể thấy rõ ràng cả hai, Đức Giêsu vừa là "Israel thật" (x. Gc 1:47) và vừa, theo thuật ngữ về năng động nội tại của những lời đã hứa cho Israel, siêu việt Do Thái giáo. Những gì chúng ta vừa khám phá ra vẫn còn đó. Nhưng còn có thêm một điểm mới chỗ này, một điều tìm thấy sự diễn đạt trên tất cả những nhận định như "Triều đại Thiên Chúa đã đến gần" (Mc 1:15), "Triều đại Thiên Chúa đã đến giữa các ông" (Mt 12:58), "Triều đại Thiên Chúa đang ở giữa các ông" (Lc 17:21). Những lời này diễn đạt một tiến trình đang đến nhưng đã bắt đầu và kéo dài vượt qua toàn thể lịch sử. Những lời này làm nảy sinh luận đề về "lòng mong đợi sắp xảy đến" và đã làm cho điều này xuất hiện như thể là tính chất đặc thù của Đức Giêsu. Cho dù, cách chú giải này

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: Jesus of Nazareth

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

không kết luận. Đúng thế, nếu chúng ta cân nhắc đến toàn thể những lời nói của Đức Giêsu, thật sự cách chú giải này bị loại ra cách dứt khoát. Điều này hiển nhiên vì những điều trình bày về cách giải thích thuộc về khái huyền của lời công bố Triều đại của Đức Giêsu (ví dụ kỳ vọng sắp xảy đến) chỉ bị áp lực, trên nền tảng các tác giả thuyết của chúng, coi thường nhiều lời nói của Đức Giêsu về vấn đề này, và bẻ cong những lời nói khác cách thô bạo để làm cho nó thích hợp.

Chúng ta đã thấy rằng sứ điệp về Triều đại của Đức Giêsu bao gồm những nhận định điển đạt những chiều kích sơ sài trong lịch sử. Triều đại giống như hạt cải, hạt nhỏ nhất trong các hạt. Triều đại giống như nắm men, một lượng nhỏ so sánh với cả khối bột, nhưng điều quan trọng quyết định là cái mà khối bột trở thành. Triều đại được so sánh không biết bao nhiêu lần với hạt giống được gieo trong cánh đồng thế gian, nơi đó hạt giống trải qua biết bao nhiêu số phận – bị chim trời mổ, hay bị chết ngạt giữa gai góc, hay chín muồi cho hoa quả phì nhiêu. Một dụ ngôn khác kể cho chúng ta làm sao hạt giống Triều đại lớn lên, nhưng kẻ thù đến và gieo cỏ lùng vào giữa, nên hiện nay đã lớn lên với hạt giống, và sự phân chia chỉ xảy ra vào thời cánh chung (x. Mt 13:24-30).

Thêm vào đó, một khía cạnh khác về thực tại bí nhiệm này của “vương quyền Thiên Chúa” lộ rõ khi Đức Giêsu so sánh với kho tàng chôn trong thửa ruộng. Người tìm được kho tàng chôn giấu lại và bán tất cả để mua thửa ruộng này, vì thế chiếm hữu kho tàng có thể hoàn tất mọi ước muốn. Có một song song với dụ ngôn hạt ngọc quý, cũng thế, người tìm thấy viên ngọc từ bỏ tất cả để có thể đạt được điều tốt lành có giá trị quá trội vượt này (x. Mt 13:44). Tuy thế, một khía cạnh khác về “vương quyền Thiên Chúa” (Triều đại) lộ ra khi Đức Giêsu nhận định cách bí ẩn “Nước Trời phải đương đầu với sức mạnh, ai mạnh sức thì chiếm được” (Mt 11:12). Về mặt phương pháp luận, điều này bất hợp pháp vì chỉ công nhận một khía cạnh của toàn thể như có thể quy cho Đức Giêsu và kể đó, trên cơ sở của công bố độc đoán như thế, bẻ cong tất cả cho đến khi nó ăn khớp. Thay vào đó, chúng ta nên nói rằng: Thực tại mà Đức Giêsu gọi “Triều đại Thiên Chúa, vương quyền Thiên Chúa” cực kỳ phức tạp, và chỉ qua việc chấp nhận Triều đại trong tính toàn thể của Triều đại, chúng ta mới có thể tiếp cận được, và để cho chính chúng ta được hướng dẫn bởi sứ điệp của Ngài.

Tối thiểu, chúng ta cùng nghiên cứu cách tỉ mỉ một bản văn điển hình cho thấy khó khăn như thế nào để giải mã sứ điệp mật mã bí ẩn của Đức Giêsu. Luca 17:20-21 kể cho chúng ta rằng “người Phariseu hỏi Đức Giêsu bao giờ Triều đại Thiên Chúa đến. Người trả lời: ‘Triều đại Thiên Chúa không đến như một điều có thể quan sát được. Và người ta sẽ không nói: ‘Ở đây này!’ Hay ‘Ở kia kia!’, vì này Triều đại Thiên Chúa đang ở giữa các ông”. Khi nhà chú giải làm việc với bản văn này, nói chung, họ cũng phản ánh những cách tiếp cận khác nhau để hiểu về “Triều đại Thiên Chúa”, dựa theo những quyết định trước đây và thế giới quan nền tảng mà từng nhà chú giải mang theo với họ.

Có một chú giải “duy tâm” cho chúng ta biết rằng Triều đại Thiên Chúa không

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: Jesus of Nazareth

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

phải là cấu trúc bên ngoài, nhưng nằm trong tính nội tại của con người. Điều này gợi lại những gì chúng ta đã nghe từ Origen. Cách chú giải này có một sự thật, nhưng không đủ, cho dù từ quan điểm ngôn ngữ. Kế đó, có một cách chú giải trong nghĩa mong chờ sự sắp xảy đến. Cách chú giải này giải thích rằng Triều đại Thiên Chúa không đến từ từ, như mở ra để quan sát, nhưng đến đột xuất. Tuy nhiên, cách chú giải này không có cơ sở trên công thức thật sự của bản văn. Vì lý do này, khuynh hướng đang nở rộ cho rằng Đức Kitô dùng những lời này để nói về chính Ngài: Ngài, Đấng sống giữa chúng ta, là "Triều đại Thiên Chúa", chỉ có chúng ta không biết Ngài (x. Ga 1:30). Một câu nói khác của Đức Giêsu cũng chỉ về hướng này, cho dù mang sắc thái khác. "Còn nếu tôi dùng ngón tay Thiên Chúa mà trừ quỷ, thì quả là Triều đại Thiên Chúa đã đến giữa các ông" (Lc 11:20). Chỗ này (cũng như trong bản văn trước, về vấn đề này), "Triều đại" không chỉ hiện diện trong hiện diện thể lý của Đức Giêsu, nhưng hơn thế nữa, hiện diện trong hành động của Ngài, hoàn tất trong Chúa Thánh Thần. Trong nghĩa này, trong và qua Ngài, Triều đại Thiên Chúa trở nên hiện diện tại đây và lúc này, có nghĩa là "đang đến gần".

Vì thế, giải pháp sau đây thể hiện trong chính nó, mặc dù trong cách thức mở đầu đã khám phá xa hơn trong toàn bộ diễn biến của việc chúng ta lắng nghe Sách thánh. Sự gần kề mới mẻ của Triều đại mà Đức Giêsu đề cập đến, điểm đặc trưng khác biệt trong sứ điệp của Ngài, được tìm thấy nơi chính Đức Giêsu. Qua sự hiện diện và hành động của Đức Giêsu, ở đây và bây giờ, Thiên Chúa thực sự đi vào trong lịch sử theo cách thức hoàn toàn mới mẻ. Lý do tại sao *bây giờ* là sự viên mãn của thời gian (Mc 1:15), tại sao *bây giờ* là thời gian hoán cải và đền tội theo nghĩa đặc biệt, cũng như là thời gian vui mừng, là trong Đức Giêsu, chính Thiên Chúa đến gần chúng ta. Trong Đức Giêsu, bây giờ Thiên Chúa là Đấng hành động và cai trị như Đức Chúa, cai trị trong cách thần linh, không với sức mạnh trần thế, cai trị qua tình yêu đạt "đến cùng" (Ga 13:1), đến Thập giá. Chính từ tâm điểm này, những chiều kích có vẻ đối nghịch và khác biệt có thể liên kết lại với nhau. Trong bối cảnh này, chúng ta hiểu những nhận định của Đức Giêsu về sự khiêm hạ và ẩn mình của Triều đại. Trong bối cảnh này, chúng ta hiểu hình ảnh cơ bản của hạt giống, mà chúng ta sẽ xem xét lại trong nhiều cách khác. Trong bối cảnh này, chúng ta cũng hiểu lời mời gọi đi theo Ngài cách can đảm, từ bỏ tất cả lại phía sau. Chính Ngài là kho báu, hiệp thông với Ngài là viên ngọc quý giá nhất.

Giờ đây, cách chú giải này phô bày ra sự căng thẳng giữa đạo đức và ân sủng, giữa chủ nghĩa nhân vị theo sát nghĩa nhất và lời mời gọi đi vào một gia đình mới. Khi chúng ta nghiên cứu Torah của Messiah trong Bài giảng Trên núi, chúng ta sẽ thấy nhiều bộ phận đến chung với nhau: Tự do khỏi Lễ luật, quà tặng ân sủng, và "sự công chính cao cả hơn", nghĩa là, Đức Giêsu đòi hỏi các môn đệ của Ngài "vượt qua" sự công chính của những người Phariseu và kinh sư (x. Mt 5:20). Trong lúc này, chúng ta hãy nghiên cứu một ví dụ: Câu chuyện người Phariseu và người thu thuế, cả hai đều cầu nguyện trong Đền thờ nhưng theo những cách khác nhau (x. Lc 18:9-14).

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

Người Phariseu có thể khoe khoang những nhân đức đáng kể. Ông chỉ kể cho Thiên Chúa về chính ông và ông nghĩ rằng ông đang ca ngợi Thiên Chúa trong khi ca ngợi chính mình. Người thu thuế biết ông là kẻ tội lỗi. Ông biết mình không thể khoe khoang trước mặt Thiên Chúa và ông cầu nguyện trong ý thức trọn vẹn về món nợ ân sủng của ông. Như thế, phải chăng người Phariseu đại diện cho đạo đức và người thu thuế đại diện cho ân sủng mà không cần đạo đức hay thậm chí lại đối lập với đạo đức? Vấn đề chính không phải là câu hỏi “đạo đức”: Có hay không? Nhưng có hai cách tương quan với Thiên Chúa và với chính mình. Người Phariseu hoàn toàn không nhìn đến Thiên Chúa nhưng chỉ nhìn đến chính ông. Thật sự, ông không cần Thiên Chúa, vì ông có thể tự mình làm được mọi điều tốt lành. Ông không có tương quan thật với Thiên Chúa, Đấng cực kỳ dư thừa. Những gì ông đã làm cho chính ông quá đủ rồi. Con người tự làm cho mình nên công chính. Ngược lại, người thu thuế nhìn mình dưới ánh sáng Thiên Chúa. Ông đã nhìn lên Thiên Chúa, và trong tiến trình này, mắt ông mở ra và nhận ra chính mình. Vì thế, ông biết rằng ông cần Thiên Chúa và ông sống nhờ vào sự tốt lành của Thiên Chúa, sự tốt lành mà ông không thể ép Thiên Chúa ban cho ông và ông cũng không thể kiếm được cho chính mình. Ông biết rằng ông cần lòng thương xót và nhờ đó, ông sẽ học từ lòng thương xót của Thiên Chúa để trở nên thương xót chính ông, và vì thế, trở nên giống như Thiên Chúa. Ông múc lấy cuộc đời từ hữu thể-trong-tương quan, từ việc nhận lãnh tất cả như quà tặng. Ông sẽ luôn luôn cần đến quà tặng thiện hảo, tha thứ, và trong khi nhận lãnh những điều này, ông sẽ luôn luôn học để trao lại quà tặng cho tha nhân. Ân sủng mà ông cầu xin không miễn trừ ông khỏi đạo đức. Trước tiên, ân sủng làm cho ông thật sự có khả năng làm điều tốt. Ông cần đến Thiên Chúa và vì ông nhận ra điều này, ông bắt đầu trở nên tốt lành qua sự thiện hảo của Thiên Chúa. Đạo đức không bị phủ nhận. Đạo đức thoát ra khỏi những ràng buộc của chủ nghĩa luân lý và được đặt vào trong bối cảnh tương quan tình yêu, tương quan với Thiên Chúa. Và đó là làm thế nào đạo đức thật sự trở nên chính nó.

“Triều đại Thiên Chúa” là một chủ đề xuyên suốt toàn thể lời rao giảng của Đức Giêsu. Vì thế, chúng ta chỉ có thể hiểu chủ đề này dưới ánh sáng của toàn bộ giảng dạy này. Bây giờ, chúng ta tập trung vào một trong những yếu tố chính yếu trong giảng dạy của Đức Giêsu: Bài giảng Trên núi. Trong đó, chúng ta sẽ tìm thấy sự triển khai sâu xa hơn về những đề tài mà chúng ta đã đi qua cách sơ lược. Trên tất cả, những gì chúng ta sẽ nhận ra trong chương kế tiếp là Đức Giêsu luôn nói như người Con, tương quan giữa Cha Con luôn luôn hiện diện như hậu cảnh trong sứ điệp của Ngài. Theo nghĩa này, Thiên Chúa luôn hiện diện tại tâm điểm trong cuộc bàn luận. Thế nhưng, cách chính xác, chính Đức Giêsu là Thiên Chúa, người Con, toàn bộ giảng dạy của Ngài là sứ điệp về mẫu nhiệm về con người Ngài. Đó là Kitô học, diễn từ liên quan đến hiện diện của Thiên Chúa trong hành động và hữu thể riêng Ngài. Và chúng ta sẽ thấy rằng điểm này đòi hỏi chúng ta phải quyết định, và vì thế, điểm này dẫn đến Thập giá và Sống lại.

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP

*Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth**

Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ